

MỤC LỤC

Chương 1: Tổng quan thị trường Malaysia	4
Thông tin cơ bản về thị trường Malaysia	4
Kinh tế	16
Chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu và đầu tư	19
Có nhiều lý do để Malaysia trở thành sự lựa chọn của các nhà đầu tư:	20
Quan hệ với Việt Nam.....	21
Hiệp định thương mại.....	22
Thách thức thị trường	24
Giấy phép nhập khẩu	24
Các hạn chế đối với sự tham gia của người nước ngoài.....	25
Quyền sở hữu trí tuệ (IPR)	25
Chứng nhận Halal.....	26
Cơ hội thị trường	28
Chiến lược thâm nhập thị trường.....	29
Chương 2: Thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Malaysia	31
Thương mại giữa Việt Nam và Malaysia	31
Đầu tư	35
Xuất khẩu.....	39
Nhập khẩu.....	56

Chương 3: Những vấn đề cần lưu ý khi kinh doanh với thị trường Malaysia.60

Phong tục tập quán của người dân Malaysia.....	60
Văn hóa kinh doanh của người Malaysia	65

Chương 4: Các quy định thương mại, hải quan và tiêu chuẩn69

Hàng rào thương mại	69
Thuế nhập khẩu	71
Chứng từ và các yêu cầu cho nhập khẩu	71
Yêu cầu ghi nhãn/nhãn hiệu	72
Yêu cầu chứng nhận sản phẩm	73
Hàng nhập khẩu bị cấm và hạn chế	73
Tạm nhập	74
Quy định Hải quan.....	74
Các tiêu chuẩn thương mại	75
Chứng nhận sản phẩm	75
Công nhận.....	76
Công bố Quy chuẩn Kỹ thuật	77
Các yêu cầu về giấy phép đối với dịch vụ chuyên nghiệp	78
Dịch vụ Kiến trúc và Kỹ thuật.....	79
Dịch vụ pháp lý.....	79
Dịch vụ kế toán.....	80
Bảo hiểm.....	80



Đầu tư trực tiếp nước ngoài:.....	80
Chứng khoán.....	80
Quảng cáo	81
Phát thanh và truyền hình	82
Các rào cản khác.....	83

Chương 1: Tổng quan thị trường Malaysia

Thông tin cơ bản về thị trường Malaysia

Tên quốc gia: Malaysia

Thủ đô: Kuala Lumpur

Quốc khánh: Ngày 31/8

Chính phủ

Malaysia là một Liên bang Quân chủ theo bầu cử lập hiến.

Đứng đầu nhà nước là vua: Sultan Muhammad V (chính thức nhậm chức từ 13 tháng 12 năm 2016), vị trí của nhà vua là chủ yếu nghi lễ.

Đứng đầu chính phủ: Thủ tướng Mahathir Mohamad (nhậm chức từ ngày 10 tháng 5 năm 2018), Phó Thủ tướng Wan Azizah Wan Ismail (từ ngày 10/5/2018)

Những người giữ vị trí quan trọng trong chính phủ:

Thủ tướng: Mahathir Mohamad

Bộ trưởng Ngoại giao: Dato'Sri Anifah Aman

Đại sứ liên Hiệp quốc: Hamidon Ali

Thể chế nhà nước - Theo thể chế quân chủ Nghị viện, lưỡng viện (từ năm 1963).

Hiến pháp được ban hành ngày 31 tháng Tám năm 1957 và sửa đổi lần gần nhất năm 1994.

Có 13 bang và 2 vùng Liên bang.

Quốc vương và Phó Quốc vương Malaysia trị vì trong 5 năm. Quốc vương và Phó Quốc vương được các tiểu vương thế tập của 9 trong số 13 bang bầu ra. Thượng nghị viện gồm 70 thành viên, nhiệm kỳ 3 năm, trong đó có 40 thành viên do nhà vua chỉ định, số còn lại do các hội đồng bang và vùng lãnh thổ bầu (mỗi hội đồng bang và vùng lãnh thổ bầu 2 thành viên). Hạ nghị viện gồm 192 thành viên được bầu bằng tuyển cử phổ thông đầu phiếu, nhiệm kỳ 5 năm. Sau khi bầu Hạ nghị viện, lãnh đạo của Đảng đa số trong Hạ nghị viện sẽ trở thành Thủ tướng. Thủ tướng chỉ định các thành viên của Nội các. Các bang đều có chính phủ riêng.

Lực lượng Vũ trang Malaysia gồm ba nhánh là Hải quân Hoàng gia Malaysia, Lục quân Malaysia, và Không quân Hoàng gia Malaysia. Malaysia không thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự, độ tuổi cần thiết để thực hiện quân sự tự nguyện là 18. Quân đội sử dụng 1,9% GDP của quốc gia, và sử dụng 1,23% nhân lực của Malaysia.

Thỏa thuận phòng thủ năm nước là một sáng kiến an ninh khu vực tồn tại trong gần 40 năm, liên quan đến các cuộc luyện tập quân sự chung được tổ chức giữa Malaysia, Singapore, Australia, New Zealand, và Anh Quốc. Các cuộc tuyển tập quân sự và tập trận chung được tổ chức với Indonesia trong nhiều năm. Malaysia và Philippines chấp thuận tổ chức luyện tập an ninh chung nhằm đảm bảo biên giới hàng hải và giải quyết các vấn đề như nhập cư bất hợp pháp.

Vị trí địa lý:

Malaysia nằm ở phía Đông Nam Châu Á, gồm bán đảo Malaysia và 1/3 diện tích phía bắc đảo Borneo, được bao bọc bởi Indonesia, vùng biển Nam Trung Quốc và Nam Việt Nam.

Văn hoá - xã hội - Số người biết đọc, biết viết đạt 85,5%; nam: 89,1%, nữ: 78,1%. Giáo dục bắt buộc, miễn phí 11 năm (6 năm tiểu học, 3 năm trung học, sau đó học sinh học tiếp 2 năm trung học bậc cao hoặc trường học nghề).

Tiếng Malaysia được giảng dạy trong nhà trường, ngoại ngữ tiếng Anh bắt buộc. Học sinh người Hoa, Ấn Độ có trường riêng dạy bằng tiếng của họ, nhưng bắt buộc phải biết tiếng Malaysia. Học sinh tốt nghiệp trung học có 2 năm dự bị đại học; có 7 trường đại học và 30 viện nghiên cứu. Thanh niên ra nước ngoài học đại học khá nhiều và phần lớn được Chính phủ tài trợ.

Chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng được ngân sách từng bang hoặc liên bang cấp cho từng bang. Chính phủ tổ chức tiêm chủng miễn phí. Tuy vậy, dịch vụ y tế ở nông thôn chưa tốt.

Những danh lam thắng cảnh dành cho du lịch, nghỉ ngơi và giải trí: có nhiều ở Kuala Lumpur, động Batu, các khu lâu đài cổ ở Penang, Malacca, đảo Langkawi, đèo Cameron...

Diện tích: 329.847 km²

- Lãnh thổ: 328.657 km²
- Lãnh hải: 1.190 km²

Biên giới đất liền: 2.742 km

Các quốc gia giáp biên giới: Brunei 266 km, Indonesia 1,881 km, Thái Lan 595 km

Đường biển: dài 4.853 km

Khí hậu: Nhiệt đới; hằng năm có gió mùa Tây Nam (từ tháng 4 đến tháng 10), gió mùa Đông Bắc (từ tháng 10 đến tháng 2)

Múi giờ: UTC/GMT +8 giờ

Tài nguyên thiên nhiên: Thiếc, xăng dầu, gỗ, đồng, quặng sắt, khí đốt tự nhiên, bauxite

Đất sử dụng

- Đất nông nghiệp: 23,2% (đất canh tác 2,9%; đất trồng cây lâu năm 19,4%; đất để trồng cây cối, rau cỏ (đất vườn) 0,9%)
- Rừng: 62%
- Đất khác: 14,8%

Tổng nguồn nước tái tạo: 580 cu km (2011)

Thiên tai: Lũ lụt; sạt lở đất; cháy rừng

Các vấn đề hiện tại về môi trường: Ô nhiễm không khí từ khí thải công nghiệp và xe cộ; ô nhiễm nước do nước thải thô; nạn phá rừng; khói / sương mù từ các đám cháy rừng ở Indonesia

Dân tộc (theo ước tính năm 2017):

- Malay và bản địa 61,7%
- Người Hoa 20,8%
- Người Ấn 6,2%
- Khác 0,9%
- Dân nhập cư (non-citizens) 10,4%

Ngôn ngữ

- Bahasa Malaysia (chính thức)
- Tiếng Anh
- Tiếng Hoa (Cantonese, Mandarin, Hokkien, Hakka, Hain an, Foochow)
- Tamil

- Telugu
- Malayalam
- Panjabi
- Thái

Tôn giáo (theo ước tính năm 2017):

- Hồi giáo (chính thức): 61,3%
- Phật giáo: 19,8%
- Cơ đốc giáo: 9,2%
- Hindu giáo: 6,3%
- Các tôn giáo truyền thống khác của người Hoa 1,3%
- Đạo khác 0,4%
- Không có đạo 0,8%
- Không xác định 1%

Dân số: 31.381.992 (ước tính đến tháng 7/2017)

Cấu trúc tuổi (theo ước tính năm 2017):

- 0 – 14 tuổi: 27,83% (4.493.084 nam/ 4.238.991 nữ)
- 15 – 24 tuổi: 16,81% (2.677.834 nam/ 2.598 .958 nữ)
- 25 – 54 tuổi: 41% (6.507.499 nam/ 6.358.762 nữ)
- 55 – 64 tuổi: 8,27% (1.316.331 nam/ 1.277.558 nữ)

- ≥ 65 tuổi: 6,1% (907.850 nam/ 1.005.125 nữ)

Tỉ lệ phụ thuộc (theo ước tính năm 2017):

- Tỷ lệ phụ thuộc hoàn toàn: 44,6%
- Tỷ lệ phụ thuộc trẻ: 36,1%
- Tỷ lệ phụ thuộc già: 8,5%
- Tỷ lệ hỗ trợ tiềm năng: 11,8%

Độ tuổi trung bình (theo ước tính năm 2017): 28,5 tuổi

- Nam: 28,2 tuổi
- Nữ: 28,8 tuổi

Tỷ lệ tăng dân số: 1,37% (ước tính năm 2017)

GDP theo sức mua (theo ước tính năm 2017): 926,1 tỷ USD

GDP được tính theo tỉ giá hối đoái: 309,9 tỷ USD (ước tính năm 2017)

Tỉ lệ tăng trưởng thực của GDP: 5,4% (ước tính năm 2017)

GDP tính theo đầu người (PPP): 28.900 USD (ước tính năm 2017)

Tổng ngạch tiết kiệm quốc dân: 28% GDP (ước tính năm 2017)

GDP theo lĩnh vực (ước tính năm 2017):

- Tiêu dùng theo hộ gia đình: 55,4%
- Tiêu dùng của chính phủ: 12,5%
- Đầu tư vào tài sản cố định: 26,3%

- Đầu tư vào hàng tồn kho: 0,1%
- Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ: 75,2%
- Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ: -69,5%

GDP theo ngành:

- Nông nghiệp: 8,4%
- Công nghiệp: 36,9%
- Dịch vụ: 54,7% (ước tính năm 2017)

Sản phẩm nông nghiệp:

- Peninsular Malaysia - dầu cọ, cao su, ca cao, gạo
- Sabah - dầu cọ, cây trồng sinh kế; cao su, gỗ
- Sarawak - dầu cọ, cao su, gỗ; tiêu

Các ngành công nghiệp:

- Peninsular Malaysia - cao su và cọ dầu, chế biến và sản xuất, dầu mỏ và khí đốt tự nhiên, sản xuất ánh sáng, dược phẩm, công nghệ y tế, thiết bị điện tử và bán dẫn, chế biến gỗ
- Sabah - khai thác gỗ, dầu mỏ và khí tự nhiên sản xuất
- Sarawak - chế biến nông nghiệp, dầu và khí tự nhiên sản xuất, khai thác gỗ

Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 4,6% (ước tính năm 2017)

Lực lượng lao động: 14,94 triệu (ước tính năm 2017)

Lực lượng lao động theo lĩnh vực:

- Nông nghiệp: 11%
- Công nghiệp: 36%
- Dịch vụ: 53%

Tỉ lệ thất nghiệp: 3,4% (ước tính năm 2017)**Ngân sách nhà nước (ước tính năm 2017):**

- Doanh thu: 51,23 tỷ USD
- Chi tiêu: 60,26 tỷ USD

Chi tiêu cho sức khỏe: 4,2% GDP (ước tính năm 2017)**Tiết kiệm quốc gia:** 28,5% GDP ước tính năm 2017 và đứng thứ 38 trên thế giới.**Dân số dưới mức nghèo:** 3,8%**Chỉ số Gini:** 46,2%**Tiền mở rộng:** 107,5 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017)**Tiền hẹp:** 107,5 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017)**Tín dụng trong nước:** 482,7 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017)**Tài khoản vãng lai:** 9,296 tỷ USD (ước tính năm 2017)**Thuế và các khoản thu khác:** 16,52% GDP (ước tính năm 2017)**Thặng dư (+) hoặc thâm hụt (-) ngân sách:** - 2,9% GDP (ước tính năm 2017)**Nợ công:** 52,5% GDP (ước tính năm 2017)

Tỉ lệ lạm phát (giá tiêu dùng): 3,8% (ước tính năm 2017)

Lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại: 4,5% (ước tính đến ngày 31/12/2017)

Xuất khẩu: 188,2 tỷ USD (ước tính năm 2017)

Hàng hóa xuất khẩu: Chất bán dẫn và các thiết bị điện tử, dầu cọ, dầu mỏ và khí đốt tự nhiên hóa lỏng, gỗ và sản phẩm gỗ, dầu cọ, cao su, dệt may, hóa chất, năng lượng mặt trời

Đối tác xuất khẩu (theo ước tính năm 2017):

- Singapore: 14,7%
- Trung Quốc: 12,6%
- Hoa Kỳ: 10,3%
- Nhật Bản: 8,1%
- Thái Lan: 5,7%
- Hồng Kông: 4,8%
- Ấn Độ: 4,1%

Nhập khẩu: 163,4 tỷ USD (ước tính năm 2017)

Hàng hóa nhập khẩu: Điện tử, máy móc, các sản phẩm dầu khí, nhựa, xe, sản phẩm sắt thép, hóa chất

Đối tác nhập khẩu (theo ước tính năm 2017):

- Trung Quốc: 19,4%
- Singapore: 9,8%

- Nhật Bản: 7,7%
- Hoa Kỳ: 7,6%
- Thái Lan: 5,8%
- Hàn Quốc: 5%
- Indonesia: 4%

Tỷ giá hối đoái: 1 ringgits (MYR) = 4,34 USD (ước tính năm 2017)

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 97,44 tỷ USD (ước tính năm 2017)

Nợ nước ngoài: 213 tỷ USD (ước tính năm 2017)

Đầu tư trực tiếp ở nước ngoài: 137,9 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Malaysia: 133,2 tỷ USD (tính đến ngày 31/12/2017).

Sản lượng điện: 141,9 tỷ kWh (2017)

Tiêu thụ điện: 133 tỷ kWh (2017)

Xuất khẩu điện: 3 triệu kWh (2017)

Nhập khẩu điện: 13 triệu kWh (2017)

Điện - hình thành từ xác động vật bị phân hủy: 82,1% tổng công suất

Điện - từ năng lượng hạt nhân: 0%

Điện từ các nhà máy thủy điện: 14%

Điện từ nguồn thay thế khác: 4%

Sản lượng dầu thô: 666.900 thùng/ngày

Xuất khẩu dầu thô: 310.900 thùng/ngày

Nhập khẩu dầu thô: 194.400 thùng/ngày

Trữ lượng dầu thô: 3,6 tỷ thùng (tính đến ngày 01/01/2017)

Sản xuất sản phẩm lọc dầu: 512.900 thùng/ngày

Tiêu thụ sản phẩm lọc dầu: 760.000 thùng/ngày

Xuất khẩu sản phẩm lọc dầu: 231.400 thùng/ngày

Nhập khẩu sản phẩm lọc dầu: 409.500 thùng/ngày

Sản lượng khí tự nhiên: 63,43 tỷ mét khối

Tiêu thụ khí tự nhiên: 31,71 tỷ mét khối

Xuất khẩu khí tự nhiên: 34,99 tỷ mét khối

Nhập khẩu khí tự nhiên: 3,27 tỷ mét khối

Sân bay: 114 (ước tính 2013)

Đường sắt: 1.851 km (2017)

Đường bộ: 144.403 km (2017)

Cảng và bến:

- Cảng biển lớn: Bintulu, Johor Bahru, George Town (Penang), Port Kelang (Port Klang), Tanjung Pelepas
- Cảng container (TEU): George Town (Penang) (1.202.180), Port Kelang (Port Klang) (9.435.403), Tanjung Pelepas (7.302.461)
- Cảng chuyên dùng cho hàng hóa dạng lỏng (xuất khẩu): Bintulu (Sarawak)

- Cảng chuyên dùng cho hàng hóa dạng lỏng (nhập khẩu): Sungei Udang

Thuê bao điện thoại cố định: 6.578.200

Thuê bao điện thoại di động: 42.338.500

Người sử dụng Internet: 24.384.952

Băng thông rộng: 2.687.800 (ước tính năm 2017)

Đài phát thanh và truyền hình: Đài phát thanh truyền hình Malaysia thuộc sở hữu nhà nước có 2 mạng lưới truyền hình chuyên tiếp tên khắp cả nước và 4 đài truyền hình thương mại tư nhân; khoảng 55 đài phát thanh.

Cơ sở hạ tầng

Malaysia có cơ sở hạ tầng thuộc hàng phát triển nhất tại châu Á. Hệ thống viễn thông chỉ đứng sau Singapore tại Đông Nam Á, với 4,7 triệu thuê bao điện thoại cố định và trên 30 triệu thuê bao điện thoại di động. Malaysia có bảy cảng quốc tế, cảng chính là cảng Klang. Malaysia có 200 khu công nghiệp cùng với các chuyên khu như Khu Công nghệ Malaysia hay Khu Công nghệ cao Kulim. Trong thời kỳ thuộc địa, sự phát triển chủ yếu tập trung các thành thị hùng mạnh về mặt kinh tế và tại các khu vực hình thành mối quan tâm về an ninh. Mặc dù các khu vực nông thôn được chú trọng, song vẫn tụt hậu so với các khu vực như bờ Tây của Malaysia bán đảo.

Hệ thống đường bộ của Malaysia trải dài 98.721 km và có 1.821 km đường cao tốc. Xa lộ dài nhất Malaysia là xa lộ Nam-Bắc với chiều dài trên 800 km từ biên giới với Thái Lan đến biên giới với Singapore. Hệ thống đường bộ tại Đông Malaysia kém phát triển hơn và có chất lượng thấp hơn so với Malaysia bán đảo. Malaysia có 118 sân bay, trong đó 38 có đường băng được lát. Hãng hàng không quốc gia chính thức là Malaysia Airlines, cung cấp dịch vụ hàng không quốc tế và quốc nội. Hệ thống đường sắt do nhà nước vận hành, có tổng chiều dài 1.849 km. Các hệ thống đường sắt nhẹ trên cao có giá tương đối

rẻ và được sử dụng tại một số thành phố như Kuala Lumpur.

Theo truyền thống, sản xuất năng lượng tại Malaysia dựa vào dầu và khí đốt thiên nhiên. Quốc gia có công suất phát điện 13 GW. Tuy nhiên, Malaysia chỉ có dự trữ khí đốt thiên nhiên 33 năm, và dự trữ dầu 19 năm, trong khi nhu cầu năng lượng đang gia tăng. Nhằm ứng phó, chính phủ phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. 16% nguồn cung điện năng đến từ thủy điện, 84% còn lại đến từ nhiệt điện. Công ty quốc hữu Petronas chi phối ngành dầu khí Malaysia.

(Nguồn: www.cia.gov)

Kinh tế

Malaysia là nước có thu nhập trung bình, nền kinh tế đã được chuyển đổi từ những năm 70 từ sản xuất các nguyên vật liệu thô thành nền kinh tế đa ngành nghề. Malaysia có tham vọng trở thành quốc gia có thu nhập cao trước 2020 và tiến xa hơn nữa trong chuỗi sản xuất giá trị gia tăng. Sau khi nhậm chức, cựu Thủ tướng Abdullah cố gắng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế bằng cách hướng nguồn đầu tư vào khu vực công nghệ cao, công nghệ y tế. Những nỗ lực này của ông đã được Tân thủ tướng Najib tiếp tục thực hiện. Thủ tướng Najib cũng tiếp tục đẩy mạnh nhu cầu hoạt động kinh tế trong nước, từ bỏ thói quen dựa dẫm vào xuất khẩu. Tuy nhiên, xuất khẩu của Malaysia, đặc biệt trong ngành điện tử vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế. Malaysia tiếp tục thu được nhiều lợi nhuận từ việc xuất khẩu dầu, khí đốt do giá năng lượng trên thế giới đang tăng cao. Tuy nhiên do giá gas và khí đốt trong nước cũng tăng, kết hợp với tài chính thắt chặt, đã buộc Kuala Lumpur phải giảm thiểu sự hỗ trợ từ chính phủ. Chính phủ cũng bớt phụ thuộc vào nhà cung cấp khí đốt là Petronas, công ty đóng góp hơn 40% trong tổng thu nhập quốc dân. Ngân hàng Trung ương vẫn duy trì được tỷ giá ngoại tệ và cơ chế điều hành cũng được thực hiện tốt đã hạn chế những rủi ro tài chính của Malaysia trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, nhu cầu về hàng tiêu dùng trên thế

giới giảm mạnh đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất khẩu của Malaysia và tốc độ phát triển kinh tế của nước này trong năm 2009 với tăng trưởng GDP chỉ đạt -1.6%. Năm 2010 và 2011, kinh tế Malaysia hồi phục với mức tăng GDP lần lượt đạt 7.2% và 5.2%.

Là quốc gia xuất khẩu dầu khí, Malaysia được hưởng lợi từ việc giá năng lượng thế giới tăng cao. Việc giảm giá dầu toàn cầu trong nửa cuối 2014 đã làm Malaysia thất thu và giảm giá trị đồng Ringit. Chính phủ đang cố giảm bớt sự phụ thuộc vào tập đoàn nhà nước Petronas. Các nguồn cung cấp dầu khí đóng góp khoảng 32% doanh thu của chính phủ năm 2013. Ngành dầu khí cung cấp khoảng 29% doanh thu của chính phủ năm 2014, việc giá dầu giảm làm chính phủ bị ảnh hưởng nặng nề về tài chính. Malaysia là quốc gia xuất khẩu lớn, do vậy cũng có thể bị ảnh hưởng nặng nề khi giá cả hàng hóa bị giảm sút trên toàn cầu.

Ngân hàng Negara Malaysia (ngân hàng trung ương) duy trì dự trữ lượng lớn ngoại hối. Để thu hút đầu tư tăng lên, Najib đã đưa ra các sửa đổi đối với các ưu đãi về kinh tế và xã hội đặc biệt dành cho người Malaysia theo Chính sách Kinh tế Mới năm 1970 nhưng đã rút lại vào năm 2013 sau khi ông gặp phải sự phản đối đáng kể từ các bên liên quan khác. Vào tháng 9 năm 2013, Najib đã khởi động Chương trình Trao quyền Kinh tế Bumiputra mới, các chính sách ủng hộ và thúc đẩy điều kiện kinh tế của người Malaysia.

Thương mại quốc tế của Malaysia có thuận lợi do nằm sát tuyến đường tàu thủy qua eo biển Malacca, và chế tạo là lĩnh vực then chốt. Malaysia là một nước xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản, dầu mỏ là mặt hàng xuất khẩu chính. Malaysia từng là nhà sản xuất lớn nhất các mặt hàng thiếc, cao su và dầu cọ trên thế giới. Lĩnh vực chế tạo có ảnh hưởng lớn trong kinh tế quốc gia, song cấu trúc kinh tế của Malaysia đang chuyển ra khỏi tình trạng này. Malaysia vẫn là một trong các nhà sản xuất dầu cọ lớn nhất thế giới.

Chính phủ thúc đẩy sự gia tăng du lịch đến Malaysia trong một nỗ lực nhằm đa dạng hóa kinh tế và giảm sự phụ thuộc vào hàng xuất khẩu. Kết quả là du lịch trở thành nguồn thu

ngoại tệ lớn thứ ba của Malaysia, song nó đang bị đe dọa do những tác động tiêu cực từ ngành công nghiệp đang phát triển, với một lượng lớn khí thải và nước thải cùng với nạn phá rừng. Từ năm 2013-2014, Malaysia được xếp là một trong những nơi tốt nhất để nghỉ hưu trên thế giới, đứng vị trí thứ 3 theo Chỉ số hưu trí toàn cầu. Đây là một trong những kết quả của chương trình “Malaysia My Second Home”, theo đó người ngoại quốc được phép sống tại Malaysia theo một thị thực thường trú lâu đến 10 năm.

Malaysia phát triển thành một trung tâm của ngân hàng Hồi giáo, và là quốc gia có số nữ lao động cao nhất trong ngành này. Các ngành dịch vụ dựa trên tri thức cũng phát triển. Để tạo ra khả năng phòng thủ tự lực và hỗ trợ phát triển quốc gia, Malaysia tiến hành tư hữu hóa một số cơ sở quân sự của mình trong thập niên 1970. Hành động tư hữu hóa tạo ra ngành công nghiệp quốc phòng, đến năm 1999 thì nằm dưới sự quản lý của Hội đồng công nghiệp quốc phòng Malaysia. Chính phủ tiếp tục thúc đẩy lĩnh vực này và tính cạnh tranh của nó, tích cực tiếp thị công nghiệp quốc phòng.

Bộ Khoa học, Công nghệ và Cách tân quy định các chính sách khoa học tại Malaysia. Malaysia nằm trong số các nhà xuất khẩu lớn nhất thế giới về thiết bị bán dẫn, thiết bị điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông. Malaysia bắt đầu phát triển chương trình không gian một cách riêng rẽ vào năm 2002, và đến năm 2006, Nga đồng ý vận chuyển một người Malaysia lên Trạm vũ trụ Quốc tế như là một phần trong thương vụ 18 chiến đấu cơ Sukhoi Su-30MKM trị giá nhiều tỷ USD giữa hai bên. Chính phủ Malaysia đầu tư kiến thiết các vệ tinh thông qua chương trình RazakSAT.

Người Hoa là thế lực nắm huyết mạch kinh tế của Malaysia, vì vậy địa vị và quyền lợi của người Hoa rất lớn trên chính trường cũng như trong kinh doanh, giáo dục. Thống kê năm 2000 cho thấy người Hoa sở hữu hơn 62% cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Malaysia, dù người Hoa chiếm chưa đầy 1/4 dân số Malaysia. Năm 2010, người Hoa chi phối trong các lĩnh vực thương nghiệp và mậu dịch, kiểm soát xấp xỉ 70% kinh tế Malaysia.

Malaysia là một thành viên của 12 quốc gia thuộc TPP và là thành viên của ASEAN.

Tổng thương mại của Malaysia với 10 quốc gia đối tác hàng đầu năm 2017

Quốc gia đối tác	Giá trị	% trong tổng giá trị
Thế giới	413.186.433.771	100
Trung Quốc	67.749.211.689	16,4
Singapore	53.213.540.405	12,88
Hoa Kỳ	36.760.557.967	8,9
Nhật Bản	32.240.278.085	7,8
Thái Lan	22.982.448.057	5,56
Đài Loan	18.279.200.438	4,42
Indonesia	16.898.516.403	4,09
Hàn Quốc	15.165.616.094	3,67
Hồng Kông	14.423.358.417	3,49
Ấn Độ	14.307.314.224	3,46

Nguồn: Cục Thống kê Malaysia

Chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu và đầu tư

Từ khi chuyển hướng phát triển kinh tế từ hướng nội sang ngoại, hoạt động ngoại thương của Malaysia trở nên rất năng động, là động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Malaysia cũng đã có chính sách phù hợp cho từng thời kỳ để phát triển ngoại thương bao gồm:

- Ưu đãi các dự án đầu tư (gồm cả đầu tư trong nước và nước ngoài) và miễn giảm thuế cho các dự án sản xuất hàng xuất khẩu.
- Thành lập các khu thương mại tự do (FTA).
- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.
- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu 100% vốn cổ phần của xí nghiệp nếu xuất khẩu được từ 80% sản phẩm trở lên.
- Thực hiện tín dụng xuất khẩu trong đó có cả bảo hiểm các rủi ro trong xuất khẩu.
- Đơn giản hóa các thủ tục, giấy tờ liên quan đến xuất khẩu.
- Thành lập Cơ quan chuyên trách về xuất khẩu (MATRADE).
- Tổ chức nhiều hội chợ xúc tiến xuất khẩu.
- Tổ chức các phái đoàn thương mại (kể cả các phái đoàn cấp cao) ra nước ngoài để tìm hiểu cơ hội kinh doanh và đầu tư.
- Thường xuyên đổi mới Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu.

Có nhiều lý do để Malaysia trở thành sự lựa chọn của các nhà đầu tư:

Đây là nơi quy tụ đông đúc các tôn giáo và chủng tộc như người Hồi giáo Mã lai, người Ấn Độ, người Hoa và nhiều các nhóm sắc tộc khác nhưng người dân lại chung sống rất hòa bình và hòa hợp.

Malaysia là một đất nước an toàn và có tỷ lệ tội phạm thấp. Luật pháp và bầu không khí kinh doanh thuận lợi.

Malaysia luôn mở cửa cho những người nước ngoài vào làm ăn và họ có thể mua bất động sản mang tên mình, điều không thể có được ở hầu hết các nước Đông Nam Á.

Cơ quan xúc tiến đầu tư Malaysia (MIDA) rất chuyên nghiệp trong việc hỗ trợ các nhà đầu tư muốn tìm hiểu cơ hội làm ăn cũng như muốn thành lập công ty hay mở cửa hàng tại Malaysia.

Malaysia còn có mối quan hệ tốt với tất cả các nước trên thế giới và không hề thù địch với bất cứ nước láng giềng nào.

Quan hệ với Việt Nam

➤ Quan hệ ngoại giao

Việt Nam và Malaysia thiết lập quan hệ ngoại giao ngày 30/3/1973

Trong khuôn khổ chuyến thăm chính thức Malaysia của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Phu nhân cùng Đoàn đại biểu Việt Nam, Chiều 7/8, ngay sau lễ đón trọng thể tại Dinh Thủ tướng Malaysia, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã hội đàm với Thủ tướng Najib Rajak và chính thức tuyên bố hai nước trở thành Đối tác chiến lược.

➤ Quan hệ chính trị

Trước năm 1973, Malaysia chỉ có quan hệ với chính quyền Sài Gòn. Sau khi Việt Nam và Mỹ ký Hiệp định Paris, ngày 30/3/1973 Malaysia chính thức lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam nhưng đồng thời vẫn giữ quan hệ với chính quyền Sài Gòn. Sau khi Việt Nam giải phóng miền Nam (1975), Malaysia là nước đầu tiên trong ASEAN công nhận chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Năm 1976, hai nước lập

Đại sứ quán ở thủ đô mỗi nước. Quan hệ hai nước băng giá khi ta đưa quân vào Campuchia (1979).

Từ cuối năm 1991, cùng với chuyển biến chung của cục diện quốc tế và khu vực, đặc biệt là việc ký Hiệp định Paris về Campuchia, cũng như việc ta triển khai chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, quan hệ Việt Nam - Malaysia đã chuyển sang một giai đoạn phát triển mới về chất và ngày càng được củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực cả song phương cũng như trong khuôn khổ ASEAN.

Năm 1994 hai nước thiết lập quan hệ Đảng cầm quyền. Tháng 2/1994, Hội Hữu nghị Việt Nam - Malaysia đã được lập ở mỗi nước. Tháng 9/1995, hai nước đã lập Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Malaysia. Ủy ban hỗn hợp đã họp 3 kỳ (tại Kuala Lumpur tháng 9 /1995, tại Hà Nội tháng 10/1996, tại Kuala Lumpur tháng 3/2003 và tại Hà Nội từ 9-10/3/2006). Quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước đang phát triển tốt đẹp. Hai nước đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao và các cấp, các ngành.

Hai nước đã tổ chức tốt kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Malaysia (30/3/1973-30/3/2013)

Hiệp định thương mại

Malaysia luôn là một quốc gia kinh doanh. Vị trí chiến lược dọc theo Eo biển Malacca, nó nằm trên một kênh vận chuyển chính nối Ấn Độ Dương ở phía tây và Thái Bình Dương ở phía đông. Malaysia nhận biết được tầm quan trọng của thương mại quốc tế sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước; tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ chiếm 73% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2017. Dịch vụ chiếm đến 50% và sản xuất chiếm 22%. Do Malaysia phụ thuộc vào thương mại quốc tế, Malaysia đã áp dụng các chính sách thương mại tự do và đặt trọng tâm cao vào các hiệp định thương mại khu vực và song phương.

Malaysia đã tham gia Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan (GATT) năm 1957, và là một thành viên sáng lập của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), thay thế GATT. Malaysia đã thành lập các Hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) với các nước: Úc, Chile, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ.

Ở cấp khu vực, Malaysia thông qua Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN. Ngoài Malaysia, các thành viên của ASEAN bao gồm: Brunei, Myanmar, Campuchia, Indonesia, Lào, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) là hiệp định thương mại để hỗ trợ sản xuất trong nước ở tất cả các nước ASEAN. ASEAN đại diện chung cho một thị trường có GDP hơn 2,2 nghìn tỷ USD và dân số 620 triệu người. Mục tiêu chính của AFTA là nâng cao năng lực cạnh tranh của ASEAN với tư cách là một cơ sở sản xuất trên thế giới. Mục tiêu thứ hai là thu hút thêm đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN. Biểu thuế ưu đãi chung có hiệu quả thông qua việc loại bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế quan trong các nước thành viên ASEAN là những công cụ chính trong việc đạt được các mục tiêu của mình. Thông qua ASEAN, Malaysia có các FTA khu vực với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ấn Độ, Australia và New Zealand.

Các hiệp định thương mại đã ký kết khác bao gồm: Hệ thống Ưu đãi Thương mại-Tổ chức Hội nghị Hồi giáo (TPS-OIC), và Hiệp định Ưu đãi Thuế quan (PTA). Các FTA hiện đang đàm phán là: Hiệp định Thương mại Tự do Malaysia-Liên minh châu Âu (MEUFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Malaysia-EFTA (MEEPA) và Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA).

Kể từ khi Hoa Kỳ rút chính thức khỏi TPP vào năm 2017, các nước TPP còn lại đã thành lập Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và ký thỏa thuận vào ngày 8 tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, chính phủ Malaysia mới đã tuyên bố ý định của mình để xem xét kỹ thỏa thuận, bao gồm cả khả năng mở lại các cuộc đàm phán.

Malaysia là thành viên của các cuộc đàm phán hợp tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP),

là một FTA giữa mười thành viên ASEAN và sáu quốc gia mà ASEAN hiện có các FTA. Mục tiêu của RCEP là hội nhập kinh tế khu vực toàn diện hơn giữa các thành viên. RCEP cũng nhằm mục đích đơn giản hóa và hài hòa các FTA song phương tương ứng của các nước thành viên.

Các thành viên đàm phán của RCEP là: Úc, Brunei, Campuchia, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Lào, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Philippines, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Nếu RCEP được chấp nhận, nó sẽ là thỏa thuận đa phương lớn nhất của Malaysia, bao gồm khoảng 29% thương mại thế giới. Chính phủ trước đây đã tuyên bố ý định kết thúc thỏa thuận RCEP vào năm 2018; tuy nhiên, điều này vẫn chưa được nhắc lại như một mục tiêu của chính phủ hiện tại.

Thách thức thị trường

Trong báo cáo Kinh doanh Toàn cầu năm 2018 của Ngân hàng Thế giới, Malaysia xếp thứ 24 về hoạt động kinh doanh dễ dàng trong số 190 nền kinh tế được đề cập trong cuộc khảo sát (giảm từ thứ hạng 23 của năm 2017). Báo cáo kinh doanh làm nổi bật những cải cách ảnh hưởng đến tất cả các chỉ số được sử dụng trong báo cáo. Đối với Malaysia, các cải cách liên quan đến tín dụng, bảo vệ các nhà đầu tư, và thương mại qua các biên giới đã được ghi nhận là việc kinh doanh trở nên dễ dàng hơn. Malaysia được ghi nhận với việc tăng cường tiếp cận tín dụng bằng cách thông qua một luật mới thành lập một cơ quan đăng ký có thể chấp/ký quỹ hiện đại; bảo vệ nhà đầu tư được cải thiện thông qua yêu cầu minh bạch hơn về công ty cổ phần; và nhập khẩu và xuất khẩu đã được thực hiện dễ dàng hơn thông qua việc cải thiện cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tại cảng Port Klang.

Giấy phép nhập khẩu

Thuế suất và hệ thống giấy phép nhập khẩu trong các ngành công nghiệp được bảo hộ, chẳng hạn như ô tô và xe máy, kết hợp với thuế tiêu thụ đặc biệt quá mức, tiếp tục ngăn chặn việc mở cửa thương mại trong các lĩnh vực này. Với chính phủ mới hiện nay, các

chính sách trước đây có thể được xem xét lại.

Cục Hải quan đang tinh giản các quy trình của mình với một cửa duy nhất cho thương mại. Giải pháp một cửa này cho phép tiết kiệm chi phí, tự động hóa các quy trình thủ công, dễ dàng thu thập và chia sẻ thông tin và truy cập từ xa. Sáng kiến mới sẽ chung tay cùng với các sáng kiến Khu thương mại tự do kỹ thuật số (DFTZ) (xem phần Thông tin, Truyền thông, Công nghệ (ICT)). DFTZ đã được triển khai tại cảng Port Klang và sẽ được triển khai cho các cảng khác.

Các hạn chế đối với sự tham gia của người nước ngoài

Các hạn chế của chính phủ cản trở sự tham gia của nước ngoài vào một số lĩnh vực, bao gồm: hợp đồng mua sắm chính phủ; dịch vụ tài chính, kinh doanh, các dịch vụ chuyên nghiệp; và viễn thông. Trong nhiều trường hợp, bắt buộc phải có một đối tác địa phương, thường là công ty người Malaysia gốc Malaysia thuộc sở hữu của Malaysia để cạnh tranh hiệu quả trên thị trường. Với chính phủ mới hiện nay, một số chính sách đang được xem xét lại, nhưng những thay đổi vẫn chưa được công bố.

Quyền sở hữu trí tuệ (IPR)

Malaysia tiếp tục thể hiện cam kết bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và đã có những tiến bộ quan trọng trong vài năm qua. Malaysia đã được loại khỏi danh sách theo dõi USTR Special 301 vào năm 2012; tuy nhiên, vào năm 2018, USTR đã công bố một đánh giá ngoài chu kỳ của Malaysia do các mối quan ngại về IP. USTR sẽ xem xét mức độ mà Malaysia đang cung cấp bảo vệ và thực thi IP đầy đủ và hiệu quả, bao gồm cả đối với các bằng sáng chế trước báo cáo 301 hàng năm tiếp theo.

Trong khi những thách thức vẫn còn, các quan chức Malaysia đã tăng cường nguồn lực của họ để chống vi phạm bản quyền trực tuyến và duy trì liên tục các nỗ lực để từ chối truy cập vào các trang web vi phạm bản quyền, xâm phạm nội dung vi phạm trên các

trang web trong nước và tiến hành các cuộc tấn công và bắt giữ người Malaysia vi phạm. Malaysia đã thành lập các Tòa án IP vào năm 2007 để thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Bộ Thương mại Nội địa, Hợp tác xã và Bảo vệ Người tiêu dùng (MDTCC), chịu trách nhiệm thực thi IPR, vẫn phụ thuộc phần lớn vào các khiếu nại từ các công ty trước khi hành động. Hải quan Hoàng gia Malaysia tiếp tục bày tỏ sự sẵn lòng mở rộng hợp tác với chính phủ Hoa Kỳ để chống lại việc chuyển tải hàng hóa lậu.

Trái ngược với quan điểm có thiện ý chung của Malaysia về việc thực thi IPR, ngành công nghiệp dược phẩm Mỹ đã bày tỏ lo ngại rằng các yếu kém trong hệ thống bảo vệ dữ liệu liên quan đến thuốc làm ảnh hưởng đến việc không khuyến khích phát triển các loại thuốc sáng tạo và có thể làm ảnh hưởng đến việc suy yếu mục tiêu sức khỏe cộng đồng. Kết quả là, Cơ quan quản lý dược phẩm quốc gia (NPRA) đã thực hiện điều khoản độc quyền dữ liệu dược phẩm. Tính độc quyền dữ liệu dược phẩm được tính toán dựa trên ngày sản phẩm được đăng ký lần đầu, hoặc được cấp phép tiếp thị và cấp độc quyền dữ liệu ở quốc gia xuất xứ hoặc ở bất kỳ quốc gia nào được công nhận và được coi là phù hợp bởi giám đốc của NPRA. Hơn nữa, ngành công nghiệp dược phẩm của Hoa Kỳ đã bày tỏ lo ngại về việc Malaysia bắt buộc sử dụng giấy phép vào năm 2017.

Chứng nhận Halal

Malaysia dự định xây dựng một cộng đồng halal toàn cầu và thiết lập chính nó như là một cơ quan hàng đầu về chứng nhận halal, các tiêu chuẩn kiểm toán, và nghiên cứu và đào tạo halal. Năm 2006, Malaysia đã thành lập Công ty Phát triển Công nghiệp Halal (HDC) để điều phối sự phát triển chung của các sản phẩm và dịch vụ halal. Tầm nhìn là để Malaysia trở thành trung tâm halal toàn cầu và tạo ra giá trị cho các doanh nghiệp tham gia vào các ngành công nghiệp halal để phát triển nền kinh tế Malaysia. HDC hỗ trợ các nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ, doanh nhân, nhà nghiên cứu và nhà đầu tư thâm nhập thị trường halal toàn cầu và JAKIM (Bộ Phát triển Hồi giáo Malaysia) là cơ quan chứng nhận halal của Malaysia. Tại thời điểm viết bài này, chính phủ mới đang xem

xét JAKIM.

Malaysia đã tạo ra một trung tâm hỗ trợ toàn cầu halal và đã tạo ra các ứng dụng, dịch vụ xử lý và tư vấn - bao gồm Mobile Halal Apps, iKiosk và B2B Portals (đăng ký trực tiếp halal).

Malaysia đã phát triển một tiêu chuẩn MS1500: 2400 yêu cầu cho việc sản xuất, chuẩn bị và xử lý thực phẩm Halal. Tiêu chuẩn này cung cấp các hướng dẫn thiết thực cho ngành công nghiệp thực phẩm về việc chuẩn bị và xử lý thực phẩm Halal và phục vụ như là một yêu cầu cơ bản cho sản phẩm thực phẩm và thương mại thực phẩm hoặc kinh doanh ở Malaysia. Nó được JAKIM sử dụng làm cơ sở để chứng nhận. Trong thực tế, các tiêu chuẩn và thử nghiệm vẫn chưa rõ ràng và, trong một số trường hợp, các công ty nước ngoài gặp khó khăn với quy trình chứng nhận.

Malaysia đã vượt xa các tiêu chuẩn halal chỉ cho thực phẩm, nó đã phát triển 15 tiêu chuẩn halal, trong đó bao gồm một tiêu chuẩn cho dược phẩm và một dự thảo tiêu chuẩn cho các thiết bị y tế.

Năm 2012, Malaysia đã ban hành MS2424: Dược phẩm Halal - Nguyên tắc chung. Tiêu chuẩn tự nguyện này cung cấp các hướng dẫn chung và phục vụ như là một yêu cầu cơ bản trong sản xuất và xử lý dược phẩm halal. Các sản phẩm được bao gồm trong tiêu chuẩn này là dược phẩm ở dạng bào chế đã hoàn thành, bao gồm cả dược phẩm theo toa và không kê toa (ví dụ: dược sinh học, thuốc truyền thống và sản phẩm dược phẩm nghiên cứu) cho người sử dụng đã đăng ký với Cơ quan kiểm soát dược phẩm, Bộ Y tế Malaysia.

Năm 2017, Malaysia đã giới thiệu các tiêu chuẩn dự thảo về các thiết bị y tế halal. Dự thảo tiêu chuẩn này đã trải qua hai giai đoạn bình luận công khai và hiện đang được xem xét bởi nhóm công tác tiêu chuẩn Malaysia. Tiêu chuẩn tự nguyện này được phát triển để đáp ứng những thách thức của nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm và dịch vụ

của hala và để bổ sung cho hệ sinh thái halal trong Malaysia. Tuy nhiên, ngành công nghiệp lo ngại rằng dự thảo tiêu chuẩn là quá rộng trong phạm vi. Các tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu đối với các hệ thống quản lý và kiểm soát của tất cả các khía cạnh của sản xuất và sản phẩm, chiến lược và lập kế hoạch, tìm nguồn nguyên liệu thô và phân phối sản phẩm cuối cùng. Các yêu cầu bao gồm việc tuân thủ an toàn sản phẩm halal cụ thể, hiệu suất và các khía cạnh vệ sinh trong sản xuất và xử lý các sản phẩm halal.

Cơ hội thị trường

Do các sự kiện toàn cầu gần đây, chẳng hạn như căng thẳng địa chính trị gia tăng trên thế giới ở bán đảo Triều Tiên và các quan hệ thương mại Mỹ-Trung Quốc, thị trường Malaysia đã trở nên thận trọng hơn. Tuy nhiên, tăng trưởng GDP của Malaysia là khoảng 5,9% trong năm 2017, đó là tín hiệu một môi trường kinh tế vững chắc. Trong khi đồng Ringgit Malaysia giảm giá so với đồng USD trong giai đoạn 2015-2017, nó đã được củng cố vào năm 2018. Tỷ giá hối đoái vào tháng 6 năm 2018 đang dao động quanh mức 1 USD = 4 RM4. Mọi quan ngại của người tiêu dùng đang giảm bớt. Thuế Hàng hóa và Dịch vụ (GST) đã được bãi bỏ và sẽ được thay bằng Thuế Bán hàng và Dịch vụ (SST). Malaysia sẽ có kỳ nghỉ miễn thuế GST từ tháng 6 đến tháng 8 và sau đó GST sẽ có hiệu lực vào tháng 9 năm 2018. Kỳ nghỉ thuế này tăng thêm tâm lý người tiêu dùng.

Các cơ hội thị trường đã được nhận biết trong các dự án cơ sở hạ tầng giao thông được đề xuất hoặc xây dựng được liệt kê dưới đây. Tại thời điểm này, vẫn chưa rõ liệu các dự án đã được xác định trước đó có tiến triển hay không, vì chính phủ mới đang xem xét lại các khoản mua sắm trong bối cảnh thiếu hụt ngân sách.

- Đường sắt cao tốc giữa Malaysia và Singapore (được chính phủ mới xem xét)
- Đường cao tốc Pan Borneo miễn phí sẽ hoàn thành vào năm 2021 với ước tính chi phí là 16,6 tỷ RM.

- Dịch vụ LRT đề xuất từ Kuching-Samarahan-Serian ở Sarawak
- Nâng cấp đường nội bộ Sarawak

Chính phủ trước đó cam kết xây dựng quốc gia và vạch ra các dự án sau đây là chìa khóa cho mục tiêu này:

- Chín dự án trong nước về y tế, giáo dục, du lịch, phần mềm và cơ sở hạ tầng truyền thông với ngân sách được phân bổ là 6,7 tỷ RM của Khazanah Bhd (quỹ tài sản có chủ quyền của Malaysia).
- Tăng tốc độ đường truyền Internet ở khu vực nông thôn từ 5Mbps lên 20Mbps do Ủy ban Truyền thông và Đa phương tiện Malaysia (MCMC) phân bổ 1,2 tỷ RM.
- Làm sạch nhà máy xử lý nước ước tính ngân sách dành riêng 877 triệu RM.
- Chương trình dự báo và cảnh báo lũ lụt quốc gia, phát triển Trung tâm Phụ trách Động đất và Sóng thần Quốc gia ở Sabah với chi phí ước tính khoảng 60 triệu RM.
- Nhà ở giá rẻ của Chính phủ Malaysia:
 - + 175.000 căn nhà PR1MA, được bán với giá thấp hơn 20% so với giá thị trường.
 - + 100.000 căn nhà PPA1M sẽ được xây dựng và hoàn thành vào năm 2018, (có giá từ 90.000 RM – 300.000 RM).
 - + 22.300 căn hộ chung cư
 - + 9.800 nhà cao tầng có sân thượng

Trong khi các dự án trên được lên kế hoạch, nhiều dự án đang được chính phủ mới xem xét.

Chiến lược thâm nhập thị trường

Hầu hết các nhà xuất khẩu đều thấy rằng việc sử dụng nhà phân phối hoặc đại lý địa phương là bước đầu tiên để bước vào thị trường Malaysia. Nhà phân phối địa phương thường chịu trách nhiệm xử lý thủ tục hải quan, xử lý việc thành lập các nhà bán buôn/nhà bán lẻ, tiếp thị sản phẩm trực tiếp cho các tập đoàn lớn hoặc chính phủ và xử lý dịch vụ hậu mãi. Các nhà xuất khẩu dịch vụ nói chung cũng được hưởng lợi từ việc sử dụng đối tác địa phương.

Bán hàng cho Chính phủ Malaysia, các Công ty Liên kết Chính phủ (GLC), hoặc mua sắm trong các lĩnh vực ưu tiên ủng hộ các đại lý địa phương và/hoặc các đối tác liên doanh được phân loại là công ty người Malaysia gốc Malaysia (Bumiputra). Thuật ngữ Bumiputra đề cập đến những cá nhân là người Malaysia. Công ty Bumiputra được định nghĩa là công ty đáp ứng các tiêu chí sau:

- Được thành lập theo Đạo luật công ty năm 1965
- Vốn thanh toán tối thiểu là 25.000 RM
- Cổ đông là 100% Bumiputra
- Hội đồng quản trị tối thiểu 51% Bumiputra
- Nhân viên quản lý và chuyên nghiệp ít nhất 51% Bumiputra

Trong các lĩnh vực không bị chính phủ chi phối, các công ty, đại lý hoặc nhà phân phối nên được lựa chọn dựa trên các cân nhắc cạnh tranh (ví dụ: các cơ sở kỹ thuật hoặc kiến thức về sản phẩm). Vì thị trường Malaysia là một thị trường định hướng dựa trên mối quan hệ, có sự hiện diện của địa phương hoặc đại lý địa phương có thể ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng.

Chương 2: Thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Malaysia

Thương mại giữa Việt Nam và Malaysia

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch song phương tháng 6 năm 2018 giữa hai nước đạt 946,787 triệu USD đưa tổng kim ngạch trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Malaysia trong 6 tháng đầu năm 2018 đạt 5.842,595 triệu USD tăng 21,15 % (4.822 triệu USD) so với cùng kỳ. Trong đó kim ngạch nhập khẩu đạt 3.837,478 triệu USD tăng 42,05% (2.701 triệu USD) so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu đạt 2.005,117 triệu USD giảm 5,46 % (2.121 triệu USD) so với cùng kỳ. Hiện kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng mạnh trong khi kim ngạch xuất khẩu giảm dẫn đến cán cân thương mại giữa Việt Nam với Malaysia có sự mất cân đối, Việt Nam nhập siêu trong quan hệ thương mại với Malaysia (6 tháng đầu năm 2018) tới 1.832,361 triệu USD. Tuy nhiên, có điểm cần nhấn mạnh là hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh phần lớn là nguyên, nhiên liệu, phụ tùng... phục vụ cho sản xuất (xăng dầu, máy móc, thiết bị, kim loại, hóa chất...) trong khi hàng hóa phục vụ tiêu dùng lại giảm (hàng điện gia dụng và linh kiện, dầu mỡ động thực vật...).

Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Malaysia, trong tháng 6/2018 đạt 601,802 triệu USD tăng 45,6% (483,11 triệu) so với cùng kỳ, đưa kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm kim ngạch nhập khẩu đạt 3.837,47 triệu USD tăng 42,05% (2.701,23 triệu USD) so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến thời điểm này (6 tháng đầu năm 2018) có tới 9 ngành hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 100 triệu USD (trong đó có 01 ngành hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD) gồm:

1. Xăng dầu các loại đạt 1.236,641 triệu USD;
2. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 620,651 triệu USD;
3. Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 380,010 triệu USD;
4. Kim loại thường khác đạt 172,557 triệu USD;
5. Dầu mỡ động thực vật 165,088 triệu USD;
6. Hàng điện gia dụng và linh kiện đạt 150,731 triệu USD;
7. Chất dẻo

nguyên liệu đạt 145,256 triệu USD; 8. Hóa chất đạt 127,414 triệu USD; 9. Sản phẩm hóa chất đạt 100,386 triệu USD.

Như vậy có thể thấy, các mặt hàng nhập khẩu tăng mạnh chủ yếu là nguyên, nhiên liệu, thiết bị, phụ tùng, linh kiện... dùng làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trong nước trong khi nhập khẩu phục vụ tiêu dùng lại giảm.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Malaysia trong tháng 6/2018 đạt 344,985 triệu USD giảm 9,06% (379,36 triệu USD) so với cùng kỳ, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 đạt 2.005,11 triệu USD giảm gần 5,46% so với cùng kỳ năm trước (2.121,35 triệu USD).

Hiện Việt Nam có 5 ngành hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD gồm: 1. Điện thoại các loại và linh kiện đạt 308,52 triệu USD; 2. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 300,44 triệu USD; 3. Sắt thép các loại đạt 228,00 triệu USD; 4. Gạo đạt 138,22 triệu USD; 5. Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh đạt 133,42 triệu USD.

Và 05 ngành hàng đạt kim ngạch trên 50 triệu USD gồm: 1. Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác 87,65 triệu USD; 2. Phương tiện vận tải và phụ tùng 85,42 triệu USD; 3. Hàng thủy sản đạt 52,96 triệu USD; 4. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ đạt 52,29 triệu USD; 5. Hàng dệt may đạt 50,68 triệu USD.

Hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Malaysia trong 6 tháng đầu năm 2018 có một số mặt hàng giảm mạnh như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (khoảng 56,33%). Tuy nhiên cũng có một số mặt hàng có kim ngạch lớn và tăng trưởng khá là: Gạo tăng mạnh đạt kim ngạch 138,22 triệu USD (tăng 112,71%); Gỗ và các sản phẩm từ gỗ tăng 109,41%; Sắt thép các loại tăng 106,29%; Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh tăng trên 56,39%; Cà phê tăng 37,67%; Điện thoại các loại và linh kiện tăng hơn 19,84%.

Về giá trị các hàng hóa xuất khẩu, tính đến hết tháng 6/2018, Việt Nam đã có 10 ngành hàng đạt kim ngạch trên 50 triệu USD so với 8 ngành hàng trong 6 tháng đầu năm 2017

(thêm 02 ngành), thực chất là 3 ngành do năm 2018, kim ngạch xuất khẩu dầu thô năm nay chỉ đạt 42,27 triệu USD so với 138,97 triệu USD năm 2017 gồm: Hàng thủy sản, Gỗ và sản phẩm từ gỗ, Hàng Dệt may. Trong số 3 ngành hàng mới góp mặt trong nhóm kim ngạch trên 50 triệu USD có ngành hàng: Gỗ và các sản phẩm từ gỗ tăng mạnh (109,41%) từ 24,97 triệu USD lên 52,29 triệu USD; Hàng thủy sản tăng 18,1%; Hàng Dệt may tăng 10,8%.

➤ **Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước trong thời gian qua:**

Đơn vị: nghìn USD

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Việt Nam xuất	4.989.468	3.926.398	3.577.077	3.341.986	5.233.943
Việt Nam nhập	4.095.914	4.203.573	4.184.735	5.174.313	6.388.451
Kim ngạch xuất nhập khẩu	9.085.382	8.129.971	7.761.812	8.516.299	11.622.394

Nguồn: trapmade.org

➤ **Các Hiệp định, Thỏa thuận của Việt Nam - Malaysia:**

Đến nay 2 nước đã ký ký các Hiệp định hợp tác trên nhiều lĩnh vực gồm:

- Hiệp định về các chuyến bay giữa và qua lãnh thổ hai nước (15/10/1978);
- Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư (21/1/1992);
- Hiệp định Hàng hải (31/3/1992);

- Hiệp định về Hợp tác Kinh tế, Khoa học và Kỹ thuật (20/4/1992);
- Hiệp định Hợp tác Bưu điện và Viễn thông (20/4/1992);
- Hiệp định Thương mại (11/8/1992);
- Hiệp định Thanh toán Song phương giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia của Malaysia (3/1993);
- Hiệp định Hợp tác Khoa học, Công nghệ về Môi trường (12/1993);
- Hiệp định về Hợp tác Du lịch (13/4/1994);
- Hiệp định Hợp tác Văn hoá (4/1995);
- Hiệp định tránh đánh thuế song trùng (7/9/1995);
- Hiệp định Hợp tác Thanh niên và Thể thao (14/6/1996);
- Hiệp định về Miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông (25/9/2001).
- Tuyên bố chung về Khuôn khổ Hợp tác toàn diện trong thế kỷ 21 giữa Việt Nam và Malaysia (22/4/2004):
- Hiệp định Hợp tác hàng không dân dụng (6/11/2015)
- Hiệp định hợp tác về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia (1/10/2016)
- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

Ngoài ra hai nước còn ký một số Bản Ghi nhớ (MOU):

- MOU về việc Malaysia viện trợ cho Việt Nam 1,72 triệu RM (700.000 USD) để phát triển ngành cao su (1992);
- MOU về thăm dò khai thác dầu khí ở những vùng chồng lấn giữa hai nước (6/1992);

- MOU về hồi hương người tị nạn (24/1/95);
- MOU về hợp tác thông tin (4/7/95)
- MOU lập Ủy ban Hỗn hợp hai nước (9/1995);
- MOU về Tuyển dụng lao động Việt Nam (12/2003)
- MOU về Hợp tác giáo dục (4/2004);
- MOU về Hợp tác Thông tin và Viễn thông; MOU về hợp tác quốc phòng (8/2008);
- Bản ghi nhớ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Negara Malaysia về việc trao đổi thông tin liên quan đến rửa tiền (7/10/2009).

Đầu tư

Theo Cục Đầu tư Nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 20/9/2018, các nhà đầu tư Malaysia có 581 dự án còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 12,352 tỷ USD, đứng thứ 8 trong tổng số 127 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt Nam. Chín tháng đầu năm 2018, Malaysia là nhà đầu tư đứng thứ 14 có 25 dự án cấp mới với vốn đăng ký cấp mới là 63,99 triệu USD; 10 dự án tăng vốn với vốn đăng ký tăng thêm là 25,36 triệu USD, và số lượt góp vốn mua cổ phần là 144 với giá trị góp vốn mua cổ phần là 116,6 triệu USD đưa tổng vốn cấp mới và tăng thêm là 205,95 triệu USD.

Quy mô vốn bình quân 1 dự án của Malaysia là 22,5 triệu USD/dự án, cao hơn so với mức bình quân chung 1 dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hiện nay (là 14,3 triệu USD/dự án).

➤ Phân theo ngành:

Đến nay, Malaysia đã đầu tư vào 18 trên tổng số 21 ngành kinh tế theo hệ thống phân ngành của Việt Nam, trong đó lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ nhất với 14 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 5,53 tỷ USD (chỉ chiếm 3% tổng số dự án nhưng chiếm tới 51,5% tổng vốn đầu tư); tiếp theo là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 221 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký đạt xấp xỉ 1,9 tỷ USD (chiếm 46,2% tổng số dự án và 17,7% tổng vốn đầu tư). Lĩnh vực cấp nước; xử lý chất thải chỉ có 3 dự án, số vốn đầu tư đăng ký là 1,17 tỷ USD (chiếm 0,6% tổng số dự án và 10,9% tổng vốn đầu tư). Còn lại là các lĩnh vực khác.

➤ **Phân theo hình thức:**

Các nhà đầu tư Malaysia đầu tư chủ yếu vào hai hình thức chính là hình thức 100% vốn nước ngoài và hình thức liên doanh. Trong đó hình thức 100% vốn nước ngoài thu hút được nhiều dự án nhất với 348 dự án, vốn đăng ký đạt 8,63 tỷ USD (chiếm 72,8% tổng số dự án và 80,4% tổng vốn đầu tư); hình thức liên doanh có 107 dự án, số vốn đăng ký đạt gần 1,3 tỷ USD (chiếm 22,4% tổng số dự án và 12% tổng vốn đầu tư). Còn lại là ba hình thức công ty cổ phần; hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng BOT, BT, BTO.

➤ **Phân theo địa phương:**

Malaysia đã đầu tư vào 33/63 tỉnh, thành phố có vốn FDI của Việt Nam, trong đó đứng đầu là thành phố Hồ Chí Minh với 175 dự án với số vốn đầu tư đăng ký 5,5 tỷ USD (chiếm 36,6% tổng số dự án và 51,3% tổng vốn đầu tư). Đứng thứ 2 là thủ đô Hà Nội với 83 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 2,7 tỷ USD (chiếm 17,4% tổng số dự án và chiếm 25,1% vốn đăng ký). Tỉnh Đồng Nai đứng thứ 3 có 33 dự án với số vốn đầu tư đăng ký 715,4 triệu USD (chiếm 6,9% tổng số dự án và 6,7% tổng vốn đầu tư). Còn lại là các địa phương khác.

➤ **Một số dự án đầu tư lớn của Malaysia vào Việt Nam**

- Dự án Công ty TNHH một thành viên đô thị đại học quốc tế Berjaya Việt Nam, cấp phép ngày 01/07/2008. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,5 tỷ USD, nhà đầu tư là công ty Berjaya Leisure (Cayman) Ltd, Malaysia, đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản, phát triển đô thị đại học quốc tế (khu giáo dục, khu dân cư, khu thương mại, khu giải trí, y tế), dự án được thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam (dự án công viên Yên Sở) được cấp phép ngày 31/12/2007. Tổng vốn đầu tư dự án là 1,16 tỷ USD. Nhà đầu tư là công ty Gamuada Berhad. Dự án tại Hà Nội với mục tiêu thực hiện là thiết kế, xây dựng và lắp đặt các hạng mục công trình xử lý nước thải.
- Dự án Công ty TNHH Trung tâm Tài chính Việt Nam, được cấp phép ngày 20/02/2008 với tổng vốn đầu tư đăng ký là 930 triệu USD. Nhà đầu tư là công ty Berjaya Leisure, Malaysia. Địa điểm thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu hoạt động là khai thác, phát triển và kinh doanh bất động sản: khách sạn, cao ốc cho thuê.
- Ngày 23/12/2014, tại Hà Nội, Bộ Công Thương và công ty Janakuasa (Malaysia) đã tổ chức Lễ ký tắt hợp đồng dự án BOT nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 2 làm cơ sở cho chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

➤ Chính sách khuyến khích xuất nhập khẩu và đầu tư

Từ khi chuyển hướng phát triển kinh tế từ hướng nội sang ngoại, hoạt động ngoại thương của Malaysia trở nên rất năng động, là động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Malaysia cũng đã có chính sách phù hợp cho từng thời kỳ để phát triển ngoại thương bao gồm:

- Ưu đãi các dự án đầu tư (gồm cả đầu tư trong nước và nước ngoài) và miễn giảm thuế cho các dự án sản xuất hàng xuất khẩu.

- Thành lập các khu thương mại tự do (FTA).
- Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.
- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu 100% vốn cổ phần của xí nghiệp nếu xuất khẩu được từ 80% sản phẩm trở lên.
- Thực hiện tín dụng xuất khẩu trong đó có cả bảo hiểm các rủi ro trong xuất khẩu.
- Đơn giản hóa các thủ tục, giấy tờ liên quan đến xuất khẩu.
- Thành lập Cơ quan chuyên trách về xuất khẩu (MATRADE).
- Tổ chức nhiều hội chợ xúc tiến xuất khẩu.
- Tổ chức các phái đoàn thương mại (kể cả các phái đoàn cấp cao) ra nước ngoài để tìm hiểu

Có nhiều lý do để Malaysia trở thành sự lựa chọn của các nhà đầu tư:

- Đây là nơi quy tụ đông đúc các tôn giáo và chủng tộc như người Hồi giáo Mã lai, người Ấn Độ, người Hoa và nhiều các nhóm sắc tộc khác nhưng người dân lại chung sống rất hòa bình và hòa hợp.
- Malaysia là một đất nước an toàn và có tỷ lệ tội phạm thấp. Luật pháp và bầu không khí kinh doanh thuận lợi.
- Malaysia luôn mở cửa cho những người nước ngoài vào làm ăn và họ có thể mua bất động sản mang tên mình, điều không thể có được ở hầu hết các nước Đông Nam Á.
- Cơ quan xúc tiến đầu tư Malaysia (MIDA) rất chuyên nghiệp trong việc hỗ trợ các nhà đầu tư muốn tìm hiểu cơ hội làm ăn cũng như muốn thành lập công ty hay mở cửa hàng tại Malaysia.

- Malaysia còn có mối quan hệ tốt với tất cả các nước trên thế giới và không hề thù địch với bất cứ nước láng giềng nào.

Xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Malaysia năm 2017 đạt 11,622 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Malaysia đạt 5,233 tỷ USD, tăng 13,3% và nhập khẩu của Việt Nam từ Malaysia 6,328 tỷ USD, tăng 10,3% so với năm 2016.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Malaysia gồm dầu thô, điện thoại các loại và linh kiện, máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, cao su, gạo, hàng thủy sản. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Malaysia gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, dầu mỡ động thực vật, máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng khác, xăng dầu các loại, hàng điện gia dụng và linh kiện, gỗ và sản phẩm gỗ.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Malaysia đã giảm 3% hàng năm trong giai đoạn năm 2013 - 2017. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Malaysia trong năm 2017 gồm:

➤ Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Malaysia

Đơn vị tính: ngàn USD

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá trị xuất khẩu năm 2017	Tăng trưởng hàng năm 2013 - 2017, %	Tỷ trọng trong xuất khẩu của VN năm 2017, %
-------------	--------------	----------------------------	-------------------------------------	---

Tổng cộng		5.233.943	-3	2
'85	Thiết bị điện – điện tử	2.345.937	2	3
'27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng	347.744	-30	10
'90	Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, y tế hoặc phẫu thuật, các bộ phận và phụ kiện	24.507	83	4
'72	Sắt thép	233.166	-3	9
'40	Cao su và vật dụng cao su	204.541	-26	5
'84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	196.500	9	1
'70	Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh	193.693	14	19
'10	Ngũ cốc	139.051	-17	9
'64	Giày dép	120.318	35	1
'03	Cá và các loài giáp xác	102.217	12	2
'09	Cà phê, trà và gia vị	77.719	-1	2

'39	Plastic và các sản phẩm từ plastic	57.499	-5	2
-----	------------------------------------	--------	----	---

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

➤ **Các mặt hàng xuất khẩu chính năm 2017**

1. Thiết bị điện – điện tử (HS 85)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	51.188.688	53.394.668	47.165.008	46.443.071	54.369.037
Nhập khẩu từ Việt Nam	1.842.366	867.732	853.822	1.283.024	2.345.937

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Thiết bị điện và điện tử (HS 85) là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Malaysia và giá trị xuất khẩu tăng không cao lắm từ năm 2013 đến năm 2017. Tuy nhiên, năm 2017, xuất khẩu nhóm hàng (HS 85) từ Việt Nam sang Malaysia đã giảm 49% so với năm 2016, và so với tổng nhập khẩu mà Malaysia nhập khẩu từ các quốc gia trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân của nhóm hàng điện – điện tử của Việt Nam sang Malaysia trong giai đoạn 2013-2017 không cao lắm, khoảng 2%.

Các sản phẩm xuất khẩu chính thuộc nhóm hàng này của Việt Nam gồm:

- Nhóm hàng mạch điện tử tích hợp (HS 8542) xuất khẩu từ Việt Nam sang Malaysia trong năm 2017 đạt 1,319 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng mặt hàng (HS 8542)

trong giai đoạn năm 2013-2017 đạt mức 7%.

- Nhóm hàng (HS 8517): Bộ điện thoại, kể cả điện thoại di động hoặc điện thoại dùng cho mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền và nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền và thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28 có giá trị xuất khẩu sang Malaysia trong năm 2017 đạt 634,518 triệu USD, giảm 12% trong giai đoạn 2013-2017.
- Các nhà cung cấp chính nhóm hàng thiết bị điện, điện tử cho thị trường Malaysia trong năm 2017 bao gồm: Trung Quốc với 12,4 tỷ USD chiếm 22,8%, Đài Loan với 8,6 tỷ USD chiếm 15,9% tổng nhập khẩu của Malaysia từ thế giới; Singapore gần 7,1 tỷ USD chiếm 13,1%; Hoa Kỳ gần 7 tỷ USD chiếm 12,8%; Nhật Bản gần 4 tỷ USD chiếm 7,3%; Việt Nam khoảng 2,4 tỷ USD chiếm 4,3%. Việt Nam là nhà cung cấp nhóm hàng HS 85 thứ 6 của Malaysia và đóng góp 4,3% thị phần vào tổng nhập khẩu thiết bị điện, điện tử của nước này.

2. Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng (HS 27)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	33.336.881	35.141.920	21.759.689	17.359.672	24.740.979
Nhập khẩu từ Việt Nam	991.447	969.512	486.635	235.232	347.744

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Năm 2017, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu nhiên liệu khoáng và dầu khoáng (HS 27) xếp vị trí thứ 15 trong số các quốc gia trên thế giới xuất khẩu sang Malaysia. Giá trị xuất khẩu đạt 347,7 triệu USD, chiếm 1,4% trong tổng nhập khẩu của Malaysia. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu của nhóm hàng (HS 27) trong giai đoạn 2013- 2017 giảm 30%.

Singapore là quốc gia xuất khẩu nhóm hàng (HS 27) lớn nhất sang Malaysia, với tổng giá trị xuất khẩu trong năm 2017 là 6,6 tỷ USD, chiếm 26,7% thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Các quốc gia cung cấp nhóm hàng (HS 27) lớn khác của Malaysia gồm: Indonesia 2,5 tỷ USD, chiếm 10,2%; Ấn Độ 2,3 tỷ USD chiếm 9,4%; Trung Quốc 2,1 tỷ USD chiếm 8,3%; UAE 1,5 tỷ USD chiếm 6%; Ả Rập Saudi 1,2 tỷ USD (5%); Úc 1,2 tỷ USD (5%); Hàn Quốc 1,1 tỷ USD (4,3%).

Những mặt hàng xuất khẩu chính trong nhóm (HS 27) của Việt Nam xuất sang Malaysia trong năm 2017 gồm:

- Xuất khẩu mặt hàng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô (HS 2709) từ Việt Nam sang Malaysia trong năm 2017 đạt 264,186 triệu USD, giảm 32% trong giai đoạn 2013-2017, chiếm 7% trong tổng thị phần nhập khẩu (HS 2709) của Malaysia.
- Kế tiếp là xuất khẩu dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (HS 2710) sang Malaysia, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao 92% trong giai đoạn 2013-2017 với giá trị xuất khẩu 45,3 triệu USD, nhưng Việt Nam vẫn chiếm thị phần rất thấp trong tổng nhập khẩu của Malaysia.

3. Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, y tế hoặc phẫu thuật, các bộ phận và phụ kiện (HS 90)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	5.188.887	5.972.670	5.328.190	5.183.436	5.548.197
Nhập khẩu từ Việt Nam	20.656	26.513	35.430	63.083	274.507

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Năm 2017, Việt Nam hiện là nhà cung cấp dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, y tế hoặc phẫu thuật, các bộ phận và phụ kiện lớn thứ 7 của Malaysia.

Trong giai đoạn từ 2013 - 2017, xuất khẩu dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, y tế hoặc phẫu thuật, các bộ phận và phụ kiện của Việt Nam sang Malaysia nhìn chung trong giai đoạn này tăng 83%/năm. Riêng trong năm 2017, giá trị xuất khẩu cao su và các vận dụng bằng cao su của Việt Nam sang Malaysia đạt 274,5 triệu USD, chiếm 4,9% tổng số nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia.

Các sản phẩm chính trong nhóm hàng này Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia trong năm 2017 bao gồm:

- Thiết bị tinh thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm đã được chi tiết ở nhóm khác, thiết bị tạo laser, trừ đốt laser, các thiết bị và dụng cụ quang học khác (HS 9013) xuất khẩu từ Việt Nam sang Malaysia tăng mạnh từ năm 2013-2017 với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt 551%/năm.
- Mặt hàng (HS 9031) máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, máy chiếu biến dạng xuất khẩu sang Malaysia trong năm 2017 đạt gần 7,3 triệu USD, với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt 108% trong giai đoạn năm 2013-2017.

Các nhà cung cấp lớn nhóm hàng này bao gồm Nhật Bản 110,5 triệu USD, chiếm 18,7% trong tổng nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia năm 2017, kế tiếp là Singapore 101,4 triệu USD chiếm 17,1%, Hoa Kỳ 89,3 triệu USD chiếm 15,1%, Trung Quốc 65,4 triệu USD chiếm 11,1%.

4. Sắt và thép (HS 72)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	6.001.905	5.989.946	4.754.070	4.591.315	5.207.272
Nhập khẩu từ Việt Nam	205.065	213.291	146.517	122.436	233.166

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Mặc dù Malaysia là một trong những thị trường xuất khẩu sắt và thép (HS 72) lớn nhất của Việt Nam trong năm 2017 nhưng tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn rất khiêm tốn, chỉ chiếm khoảng 4,5% tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Xuất khẩu nhóm hàng (HS 72) của Việt Nam sang thị trường Malaysia giảm 3% trong giai đoạn 2013-2017.

Các mặt hàng chính trong nhóm hàng này Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia trong năm 2017 bao gồm:

- Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng (HS 7210), đạt giá trị xuất khẩu là 76,1 triệu USD, chiếm 17%, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt -1% từ năm 2013-2017.

- Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng (HS 7209), xuất khẩu sang Malaysia đạt 72,1 triệu USD, chiếm 13% trong tổng nhập khẩu mặt hàng này, giảm 13% trong giai đoạn 2013-2017.
- Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, được cán nóng, chưa phủ, mạ hoặc tráng (HS 7208) xuất khẩu sang Malaysia đạt 38,2 triệu USD, chiếm 4% thị phần xuất khẩu mặt hàng này của Malaysia. Trong giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng mạnh 440%.

Nhà cung cấp hàng đầu nhóm hàng này cho Malaysia trong năm 2017 là Đài Loan 309,3 triệu USD (29,5%). Những nhà cung cấp lớn khác bao gồm Nhật Bản với 264,5 triệu USD chiếm 25,2% tổng nhập khẩu của Malaysia, Ấn Độ với 206,4 triệu USD chiếm 19,7%, Hàn Quốc với 120,8 triệu USD (11,5%), Indonesia với 57,9 triệu USD (5,5%), Trung Quốc gần 41 triệu USD (3,9%). Việt Nam là nhà cung cấp nhóm hàng (HS 72) lớn thứ 7 của Malaysia.

5. Cao su và các vật dụng cao su (HS 40)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	4.374.791	3.586.226	3.096.392	2.880.895	3.856.921
Nhập khẩu từ Việt Nam	617.290	430.874	329.273	198.817	204.541

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nhà cung cấp nhóm hàng này đứng thứ 5 của Malaysia. Trong năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 204,541 triệu USD sang Malaysia, chỉ chiếm 5,3% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Malaysia trung bình giảm 26%/năm.

Những sản phẩm chính trong nhóm hàng này Việt Nam xuất sang Malaysia trong năm 2017 bao gồm:

- Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa kết, nhựa cây cúc cao su, nhựa cây họ sacolasea và loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải (HS 4001) xuất khẩu đạt 148,8 triệu USD, chiếm 8% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia. Giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này giảm 30%.
- Xuất khẩu lớp loại bon hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng (HS 4011) trong giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng 12%, chiếm 7% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia.
- Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải, hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm này ở dạng nguyên sinh ở dạng tấm, tờ hoặc dải (HS 4002) là mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng 42% trong giai đoạn năm 2013-2017 với trị giá 7,95 triệu USD chiếm 1% trong tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia.

Nhà cung cấp nhóm hàng (HS 40) lớn nhất của Malaysia là Thái Lan với thị phần 31,3% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia, trị giá 1,2 tỷ USD. Những nhà cung cấp lớn tiếp theo bao gồm Hàn Quốc 481,5 triệu USD chiếm 12,3% tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia.

6. Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và trang thiết bị cơ khí; các bộ phận của

chúng (HS 84)*Đơn vị: Ngàn USD*

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	23.167.231	22.447.661	19.875.610	20.093.414	22.687.165
Nhập khẩu từ Việt Nam	130.309	194.911	218.749	196.317	196.500

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nhà cung cấp nhóm hàng này đứng thứ 17 của Malaysia. Trong năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 196,5 triệu USD sang Malaysia, chỉ chiếm 0,9% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Malaysia trung bình tăng 9%/năm.

Những sản phẩm chính trong nhóm hàng này Việt Nam xuất sang Malaysia trong năm 2017 bao gồm:

- Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in của nhóm HS 8442, máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không có kết hợp nhau, các phụ kiện (HS 8443) xuất khẩu đạt 52,4 triệu USD, chiếm 5% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia. Giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này tăng 11%.
- Xuất khẩu máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng, đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này (HS 8471) trong giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng 8%, chiếm 1% thị phần nhập khẩu mặt

hàng này của Malaysia.

- Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay tròn, đốt cháy bằng tia lửa điện (HS 8407) là mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng 11% trong giai đoạn năm 2013-2017 với trị giá 19,8 triệu USD chiếm 7% trong tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia.

Nhà cung cấp nhóm hàng (HS 84) lớn nhất của Malaysia là Trung Quốc với thị phần 28,2% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia, trị giá 6,4 tỷ USD. Những nhà cung cấp lớn tiếp theo bao gồm Nhật Bản 2,53 tỷ USD chiếm 11,2% tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia; Thái Lan với trị giá 2,21 tỷ USD chiếm 9,7%; Hoa Kỳ với 2,14 tỷ USD (9,4%); Singapore với 2,1 tỷ USD (9%); Đức 1,52 tỷ USD (6,7%).

7. Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh (HS 70)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	844.233	860.232	866.050	916.650	891.504
Nhập khẩu từ Việt Nam	103.505	128.803	147.197	140.674	193.693

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nhà cung cấp nhóm hàng này đứng thứ 2 của Malaysia. Trong năm 2017, Việt Nam xuất khẩu 193,7 triệu USD sang Malaysia, chiếm 21,7% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam sang Malaysia trung bình tăng 12%/năm về giá trị và tăng 38% so

với năm 2016.

Những sản phẩm chính trong nhóm hàng này Việt Nam xuất sang Malaysia trong năm 2017 bao gồm:

- Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt, ở dạng tấm đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, như chưa gia công cách khác (HS 7005) xuất khẩu đạt 140,27 triệu USD, chiếm 72% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia. Giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này tăng 188%.
- Xuất khẩu kính thuộc các nhóm 70.03, 70.04 hoặc 70.05, đã uốn cong, gia công cạnh, khắc, khoan, tráng hoặc gia công cách khác, nhưng chưa làm khung hoặc lắp với các vật liệu khác (HS 7006) trong giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng 1.472%, chiếm 40% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia.
- Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh, đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất hoặc đồ dùng cho các mục đích tương tự bằng thủy tinh (HS 8407) là mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng 58% trong giai đoạn năm 2013-2017 với trị giá 81 triệu USD chiếm thị phần rất nhỏ và không đáng kể trong tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia.

Nhà cung cấp nhóm hàng (HS 70) lớn nhất của Malaysia là Trung Quốc với thị phần 34,4% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia, trị giá 307,1 triệu USD. Những nhà cung cấp lớn tiếp theo bao gồm Việt Nam đứng thứ 2 với trị giá 193,7 triệu USD chiếm 21,7%; Nhật Bản 78,3 triệu USD chiếm 8,8% tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia; Thái Lan với trị giá 67,5 triệu USD chiếm 7,6%; Hoa Kỳ với 54,4 triệu USD (6,1%); Đức 42,5 triệu USD (4,8%).

8. Ngũ cốc (HS 10)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	1.808.168	1.876.630	1.694.525	1.442.714	1.430.661
Nhập khẩu từ Việt Nam	272.487	150.831	154.175	91.590	139.051

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Mỗi năm Malaysia thường nhập khẩu trung bình khoảng trên 1 tỷ USD/năm gạo và ngũ cốc các loại, trong đó nhập khẩu từ Việt Nam chủ yếu là mặt hàng gạo.

Việt Nam là nhà cung cấp ngũ cốc lớn thứ 4 của Malaysia. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu ngũ cốc của Việt Nam sang Malaysia giảm 17%. Năm 2017, giá trị xuất khẩu ngũ cốc của Việt Nam sang Malaysia đạt 139,1 triệu USD, chiếm 9,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng ngũ cốc của Malaysia, tăng 52% so với năm 2016.

Nhà cung cấp ngũ cốc lớn nhất của Malaysia là Argentina với giá trị xuất khẩu năm 2017 đạt 393,2 triệu USD, chiếm 27,5% tổng nhập khẩu của Malaysia. Những nhà cung cấp lớn khác gồm Brazil 263,5 triệu USD (18,4%), Úc 201,4 triệu USD (14,1%), Thái Lan với 126,2 triệu USD (8,8%), Hoa Kỳ 120,2 triệu USD (8,4%).

Trong nhóm hàng này, Việt Nam chỉ xuất khẩu mặt hàng gạo (HS 1006) sang Malaysia. Năm 2017, số lượng gạo Việt Nam cung cấp chiếm 40% thị phần nhập khẩu gạo của Malaysia, với giá trị là 139,1 triệu USD (HS 1006). Giai đoạn năm 2013-2017, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu gạo của Việt Nam sang Malaysia giảm 17%.

Malaysia là thị trường truyền thống thường nhập khẩu nhiều gạo từ Việt Nam, mặt hàng gạo chưa xát hoặc xát toàn bộ (mã HS 100630) là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu, trong đó

loại gạo 5% tẩm chất lượng tốt, giá thành cao là mặt hàng chủ lực. Tuy nhiên, tại thị trường này Việt nam đang chịu áp lực cạnh tranh rất lớn từ Thái Lan, Ấn Độ và các nước xuất khẩu gạo mới nổi Campuchia, Myanmar.

9. Giày dép (HS 64)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	278.010	312.787	501.963	640.113	627.736
Nhập khẩu từ Việt Nam	39.720	54.351	72.105	116.080	120.318

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nhà cung cấp giày dép lớn thứ 2 của Malaysia. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang Malaysia tăng 35%. Năm 2017, giá trị xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang Malaysia đạt 120,3 triệu USD, chiếm 19,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng ngũ cốc của Malaysia, tăng 4% so với năm 2016.

Nhà cung cấp giày dép lớn nhất của Malaysia là Trung Quốc với giá trị xuất khẩu năm 2017 đạt 306,9 triệu USD, chiếm 48,9% tổng nhập khẩu của Malaysia. Những nhà cung cấp lớn khác gồm Indonesia 59,4 triệu USD (9,5%), Ý 21,9 triệu USD (3,5%), Ấn Độ với 18,5 triệu USD (2,9%), Thái Lan 15,3 triệu USD (2,4%).

10. Cá và động vật giáp xác (HS 03)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	887.968	961.546	783.498	775.342	807.018
Nhập khẩu từ Việt Nam	62.126	65.438	67.906	73.168	102.217

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nhà cung cấp cá và động vật giáp xác lớn thứ 3 của Malaysia. Trong năm 2017, Việt Nam đã xuất khẩu 102,2 triệu USD nhóm hàng này sang Malaysia, tăng 40% so với năm 2016. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu nhóm hàng (HS 03) của Việt Nam sang Malaysia tăng 12%.

Các sản phẩm chính trong nhóm hàng HS 03 Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia trong năm 2017 là:

- Filê cá và các loại thịt cá (đã hoặc chưa xay, nghiền, băm), tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (HS 0304), xuất khẩu từ Việt Nam sang Malaysia đạt 34,63 triệu USD, chiếm 32% thị phần nhập khẩu nhóm hàng (HS 03) của Malaysia. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu nhóm hàng (HS 0304) tăng 1%.
- Cá đông lạnh, trừ phi-lê cá và các loại thịt khác thuộc nhóm 03.04 (HS 0303) được Malaysia nhập khẩu với tổng giá trị là 34,82 triệu USD, chiếm 14% thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia, tăng bình quân 20% từ năm 2013-2017.
- Cá khô, cá hun khói, bột cá... (HS 0305), chiếm 30% trong tổng thị phần nhập khẩu nhóm hàng (HS 03) của Malaysia, xuất khẩu đạt 12,22 triệu USD, trung bình tăng 92% trong giai đoạn 2013-2017.
- Động vật thân mềm... (HS 0307), xuất khẩu sang Malaysia đạt 9,7 triệu USD, chiếm

8% thị phần nhập khẩu nhóm hàng này của Malaysia. Từ năm 2013-2017, tăng trưởng xuất khẩu của nhóm hàng (HS 0307) là 18%.

Các nguồn cung ứng chính cho Malaysia đối với nhóm hàng (HS 03) trong năm 2017 gồm Trung Quốc với trị giá xuất khẩu 183,84 triệu USD, chiếm 22,8% trong tổng giá trị nhập khẩu cá và động vật giáp xác Malaysia; Indonesia trị giá 134,55 triệu USD, chiếm 16,7%, Thái Lan trị giá 66,15 triệu USD, chiếm 8,2%.

11. Cà phê, trà và các loại gia vị (HS 09)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	467.842	552.400	495.469	509.033	519.917
Nhập khẩu từ Việt Nam	78.469	87.285	66.857	79.932	77.719

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nước cung ứng lớn thứ 4 nhóm hàng cà phê, trà và gia vị sang thị trường Malaysia trong năm 2017 với trị giá xuất khẩu đạt 77,72 triệu USD, chiếm 14,9% trong tổng nhập khẩu nhóm hàng kể trên của Malaysia. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu mặt hàng (HS 09) của Việt Nam sang Malaysia giảm 1%, riêng năm 2017 giảm 3% so với năm 2016.

3 nước cung cấp hàng đầu là Indonesia, Ấn Độ và Trung Quốc. Cụ thể là Indonesia xuất khẩu đạt 127,58 triệu USD, chiếm 24,5%; Ấn Độ 97,72 triệu USD chiếm 18,8% và Trung Quốc chiếm 17,1% với tổng giá trị xuất khẩu sang Malaysia là 88,68 triệu USD.

Sản phẩm chính trong nhóm hàng (HS 09) Việt Nam xuất khẩu sang Malaysia năm 2017 là:

- (HS 0901) Cà phê xuất khẩu sang Malaysia năm 2017 đạt 65,15 triệu USD, chiếm 27% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia. Trung bình tốc độ tăng trưởng xuất khẩu (HS 0901) giai đoạn năm 2013-2017 đạt -3%. Trong đó, sản phẩm cà phê chưa rang, chưa khử chất cafein được xuất khẩu nhiều nhất sang Malaysia.
- Xuất khẩu hạt tiêu thuộc chi Piper, quả ớt thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, khô, xay hoặc nghiền (HS 0904) sang Malaysia đạt 9,132 triệu USD, tăng trưởng xuất khẩu từ năm 2013-2017 là 8%, chiếm 9% thị phần nhập khẩu (HS 0904) của Malaysia.
- Kế đến là trà (HS (0902), được Malaysia nhập khẩu với tổng giá trị là 2,8 triệu USD, chiếm 4% thị phần nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia, tăng trưởng xuất khẩu -6% trong giai đoạn 2013-2017. Trong đó, chủ yếu là sản phẩm trà đen khác (đã ủ men) và trà đen khác đã ủ men một phần (HS 090240) được Malaysia nhập khẩu.

12. Plastic và các sản phẩm từ plastic; cao su và các sản phẩm bằng cao su (HS 39)

Đơn vị: Ngàn USD

	2013	2014	2015	2016	2017
Nhập khẩu từ thế giới	6.365.572	7.251.814	6.772.115	6.827.562	7.659.046
Nhập khẩu từ Việt Nam	64.718	67.367	57.588	51.495	57.499

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

Việt Nam là nước cung ứng xếp thứ 16 nhóm hàng (HS 39) sang Malaysia, với giá trị xuất khẩu năm 2017 đạt 57,499 triệu USD, tăng 12% so với năm 2016, chiếm thị phần 0,8% trong tổng nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia. Trong giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam qua Malaysia có tốc độ tăng trưởng giảm 5%.

Những nước cung ứng mặt hàng (HS 39) hàng đầu của Malaysia trong năm 2017 bao gồm Trung Quốc 1,6 tỷ USD, chiếm 20,6%; Ả Rập Saudi với 1,03 tỷ USD chiếm 13,5%); Singapore 940,24 triệu USD (12,3%); Nhật Bản với giá trị 819,1 triệu USD, chiếm 10,7%; Thái Lan 538,4 triệu USD, chiếm 7%.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Malaysia năm 2017 bao gồm:

- Nhóm hàng tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xếp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được hỗ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác (HS 3920) được xuất khẩu sang Malaysia với tổng giá trị xuất khẩu đạt 18,43 triệu USD, với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của nhóm hàng này giảm 10% trong giai đoạn 2013-2017 và chiếm 3% trong tổng nhập khẩu mặt hàng này của Malaysia.
- Các sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các sản phẩm từ 3901 đến 3914 (HS 3926) được Malaysia nhập khẩu với tổng giá trị là 9,6 triệu USD, trong giai đoạn 2013-2017, tăng trưởng xuất khẩu của (HS 3907) đạt 21%.

Nhập khẩu

Năm 2017, Việt Nam đã nhập khẩu 6,328 tỷ USD hàng hóa từ Malaysia, với mức tăng trưởng hàng năm đạt 12% trong suốt thời kỳ 2013-2017. Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm: Thiết bị điện - điện tử; Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; mỡ ăn đã được chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật; Máy móc. lò phản ứng hạt nhân. lò hơi...; Plastic và các sản phẩm bằng plastic; cao su và các sản phẩm

bằng cao su; Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng; Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm...

Theo số liệu thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Malaysia năm 2017 đạt 11,622 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong đó nhập khẩu của Việt Nam từ Malaysia đạt 6,328 tỷ USD, tăng 10,3% và xuất khẩu của Việt Nam sang Malaysia 5,233 tỷ USD, tăng 13,3% so với năm 2016.

➤ **Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Malaysia năm 2017**

Đơn vị tính: ngàn USD

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2017	Tăng trưởng hàng năm 2013-2017, %	Tỷ trọng trong nhập khẩu của VN năm 2017, %
Tổng cộng		6.388.451	12	3
'27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng	1.577.417	42	5
'85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh; máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ tùng của chúng	1.040.786	4	2
'39	Plastic và các sản phẩm bằng plastic; cao su và các sản phẩm bằng cao su	566.437	14	8

'84	Máy móc. lò phản ứng hạt nhân. lò hơi...	560.314	6	2
'15	Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm từ chúng	478.248	0	4
'76	Nhôm và các sản phẩm bằng Nhôm	224.211	38	7
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	120.589	7	24
'90	Dụng cụ, thiết bị và máy quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; đồng hồ cá nhân và đồng hồ thời gian khác; nhạc cụ; các bộ phận và phụ tùng của chúng	103.475	-3	1
'40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	98.345	8	1
'29	Hóa chất hữu cơ	94.851	-7	3
'22	Đồ uống, rượu và giấm	90.081	0	12
'28	Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp liên quan	84.761	26	10

Nguồn: Tính toán của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) dựa theo thống kê COMTRADE

➤ **Nguồn thông tin hữu ích**

- Ngân hàng Negara Malaysia: www.bnm.gov.my
- Ủy ban an ninh quốc gia: www.sc.com.my
- Cơ quan Phát triển Công nghiệp Malaysia MIDA: <http://www.mida.gov.my>
- Tổ chức quyền sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO): www.wipo.int/
- LawNet: <http://www.law.net>
- E-Warta: <http://www.e-warta.com.my/>
- MITI: <http://www.miti.gov.my/>
- Ủy ban Doanh nghiệp: <http://www.ssm.com.my/>
- MyIPO: <http://www.myipo.gov.my/>

Chương 3: Những vấn đề cần lưu ý khi kinh doanh với thị trường Malaysia

Phong tục tập quán của người dân Malaysia

➤ Cách ăn mặc:

Malaysia là một đất nước nóng quanh năm, áo quần được làm từ chất liệu cotton và linen là sự lựa chọn tốt nhất.

- Khi tới dự các buổi gặp gỡ với đại diện hoàng gia Malaysia, hãy tránh không nên mặc màu vàng do đây là màu của hoàng gia.
- Do thời tiết ở Malaysia khá nóng và ẩm nên thời trang công sở của nam là những chiếc quần âu sẫm màu, áo sơ mi dài tay sáng màu và caravat (không khoác áo vest ngoài). Đôi khi các doanh nhân thường chỉ mặc áo ngắn tay và không thắt caravat. Người Malaysia thường ăn mặc chỉnh trang trong các cuộc gặp gỡ, đàm phán thương mại. Do vậy, nếu là nam giới, cách tốt nhất khi giao tiếp với đối tác Malaysia, bạn nên mặc quần âu, áo sơ mi dài tay có thắt cà vạt trong các cuộc gặp thông thường và comple trong các trường hợp cần sự trang trọng.
- Khi gặp những phụ nữ theo đạo Hồi hoặc đạo Hindu thì bạn nên mặc áo dài ít nhất đến nửa cánh tay. Váy có thể dài ngang đầu gối hoặc hơn.
- Ở Malaysia, trang phục của các nữ doanh nhân thường có xu hướng rườm rà và có nhiều đồ trang sức đi kèm.

Phụ nữ ở Malaysia ăn mặc rất đa dạng, từ những trang phục truyền thống cho đến các bộ đồ thời trang hiện đại. Tuy nhiên, nếu là phụ nữ, bạn nên mặc váy dài quá gối hoặc quần âu và áo dài tay không để lộ vai.

- Nam giới ở Malaysia thường mặc áo được dệt theo lối in hoa batic hờ cổ đến công sở.

Đây cũng là những trang phục phổ biến.

- Jean có thể được chấp nhận
- Bạn nên tránh mặc quần soóc

➤ **Khi trò chuyện:**

Khi trò chuyện với người Malaysia, bạn có thể hỏi về cân nặng, thu nhập, tình trạng hôn nhân và các chủ đề liên quan. Tuy nhiên, bạn cũng có thể được hỏi lại những câu hỏi như thế này.

Nếu bạn không muốn trả lời những câu hỏi riêng tư này thì bạn cũng phải lịch sự, không nên tỏ vẻ bực mình hay có những thái độ tương tự.

Những chủ đề nên thảo luận như kinh doanh, thể thao đặc biệt là bóng đá, nghệ thuật, du lịch, những kế hoạch của tương lai, khen ngợi các món ăn của địa phương.

Những chủ đề nên tránh

- Chi trích bất kỳ khía cạnh nào của văn hoá Malaysia
- Chính trị
- Nạn quan liêu

➤ **Nơi công cộng:**

Ngoài bắt tay, không nên có sự tiếp xúc nào nơi công cộng giữa những người khác giới. Ngược lại, điều này được chấp nhận ở những người cùng giới. Bạn có thể bắt gặp hai người đàn ông nắm tay nhau hay thậm chí tay trong tay đi dạo trước mọi người. Hành động này được xem như là cử chỉ của tình bạn.

Khi gặp một người Malaysia, bạn nên chủ động bắt tay. Đôi khi, họ có thể chào bạn bằng

cái chào của người Malaysia, được gọi là “namaste”. Namaste là hình thức hai lòng bàn tay chạm vào nhau và được đặt ngang trước ngực, kèm theo là một cái gật đầu nhẹ. Đôi khi, namaste cũng diễn ra ngay sau cái bắt tay đầu tiên. Bạn có thể đáp lại bằng cách đặt bàn tay phải trước ngực sau khi bắt tay.

Khi bạn được giới thiệu với một phụ nữ Malaysia, bạn chỉ nên bắt tay khi họ đã đưa tay ra bắt trước. Nếu họ không chủ động đưa tay ra bắt trước thì bạn chỉ nên cười và cúi chào.

Khi giới thiệu thì nữ giới được giới thiệu trước.

Các thành viên của hoàng gia là những người được tôn trọng nhất. Nếu bạn có cuộc gặp với một người quan trọng trong hoàng gia thì bạn nên chuẩn bị một món quà. Khi bạn được chào đón ở hoàng gia thì bạn phải đứng nghiêm. Để các thành viên của hoàng gia rời khỏi phòng thì bạn mới được phép.

Khi gặp người lớn tuổi hơn thì bạn nên cúi chào khi gặp.

Khi chào một người Malaysia vào buổi sáng thì bạn dùng “Salamat pagi”, vào buổi chiều là “Salamat petang”.

Không nên bỏ tay vào túi quần nơi công cộng.

Khi ra khỏi phòng thì nên nói “Xin lỗi” và kèm theo là cái gật đầu nhẹ.

Khi chỉ một vật hoặc một ai đó, tốt nhất là sử dụng tay phải (bàn tay được đặt ngửa). Ngoài ra, bạn cũng có thể chỉ bằng ngón tay cái hay ngoắc cả 4 ngón tay. Nhưng chắc rằng các ngón tay được vẫy xuống. Những người Malaysia lớn tuổi đôi khi hiểu ngón tay cái và ngón út là một sự xúc phạm.

Khi vẫy tay ra hiệu một ai đó thì lòng bàn tay úp xuống. Tuy nhiên, khi vẫy tay ra hiệu một ai đó mà lòng bàn tay ngửa ra và vẫy bằng một ngón thì được xem là một sự xúc phạm.

Chỉ một ai đó bằng ngón trỏ bị xem là một hành động thô lỗ. Ngoài ra, người Malaysia chỉ dùng ngón trỏ khi chỉ vào các động vật.

Khi trao một vật, lấy một cái gì hay chạm ai đó (như bắt tay) thì nên dùng tay phải. Tay trái được xem là không sạch sẽ, và không nên sử dụng để ăn hay trao một vật gì. Qui luật này cũng được áp dụng đối với những người thuận tay trái.

Bàn chân được xem là không sạch sẽ. Do đó, không nên lấy các vật gì bằng chân.

Không nên chỉ chân vào người khác. Bạn sẽ phải xin lỗi bất cứ khi nào giày hay mũi giày của bạn chạm vào người khác.

Bạn có thể bắt chéo chân ngang đầu gối, nhưng không được đặt một mắt cá chân lên đầu gối. Ngoài ra, bạn cũng đừng bao giờ ngồi bắt chéo chân khi có sự hiện diện của những người trong hoàng gia Malaysia.

Không nên để chân lên bất kỳ vật gì như bàn...

Bạn nên bỏ giày trước khi bước vào nhà hay những nơi linh thiêng như các nhà thờ Hồi giáo hay các đền. Ngoài ra khi vào các nơi linh thiêng các bạn nên lưu ý về trang phục. Đối với nữ giới, nên mặc váy ngang đầu gối hoặc dài hơn và áo dài tay. Ngoài ra, tránh mặc áo không tay. Đứng tay chống nạnh được xem là một thái độ giận dữ.

Khi đến thăm gia đình người Malaysia, bạn nên để giày dép ở phía ngoài trước khi vào nhà và không nên từ chối khi được mời bánh ngọt, nếu bạn từ chối thì sẽ cho là mất lịch sự. Nên nhớ chỉ sử dụng tay phải và phải rửa tay trước khi ngồi vào bàn ăn.

Một trận cười phá ra không bày tỏ niềm thích thú trong văn hoá của người Malaysia. Hơn nữa, cười cũng bày tỏ sự căng thẳng, xấu hổ hay không tán thành.

Bạn không cần phải boa cho tài xế taxi.

Bạn sẽ phải boa cho các người khuân vác. 1 ringgit cho mỗi hành lý là đủ. Ngoài ra, bạn

cũng nên boa 50 cent cho những người phục vụ phòng khách sạn cho bạn.

Bạn nên lưu ý rằng, bạn sẽ bị xử phạt rất nặng nếu như xả rác ngoài đường phố, đặc biệt là ở thủ đô Kuala Lumpur.

Buôn bán ma túy sẽ bị tử hình.

➤ **Cách xưng hô:**

Đọc chính xác tên riêng của người Malaysia là rất khó. Do vậy, bạn nên lặp lại tên và chức vụ của người đó và sau đó hỏi xem bạn đã phát âm chính xác chưa.

Khi gặp các doanh nhân Malaysia, bạn nên xưng hô tên lẫn chức vụ. Nếu không có các chức danh như giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư... thì có thể dùng “Mr.” hoặc “Mrs.” cộng với tên.

➤ **Quà tặng:**

Cách tốt nhất là bạn nên tặng những món quà vừa phải. Ngoài ra, bạn nên lưu ý không nên đáp lại những món quà có giá trị lớn hơn giá trị món quà bạn đã nhận trước đó.

Bạn không nên mở quà trước mặt người tặng.

Nên tặng quà bằng hai tay - Những quà mang tính chất kinh doanh nên tặng như: những cây viết chất lượng tốt, những vật biểu tượng của đất nước hay thành phố của bạn.

Những quà mang tính chất xã hội như những vật tượng trưng của đất nước bạn hay những thực phẩm cao lương mỹ vị

Thông thường, trong văn hoá của người Malaysia, nam giới tặng quà cho nữ giới thường dễ xảy ra hiểu nhầm. Do vậy, nếu đồng nghiệp nam muốn tặng quà cho một đồng nghiệp nữ thì nên giải thích rằng vợ mình đã gửi tặng nước hoa, khăn quàng cổ hay những món quà tương tự cho họ.

Không nên gói quà bằng giấy màu trắng vì màu này được xem như là màu của sự chết chóc. Ngoài ra, cũng nên tránh gói quà bằng giấy màu xanh, đen hay vàng.

Văn hóa kinh doanh của người Malaysia

Văn hoá kinh doanh Malaysia phần lớn là sự tổng hợp của văn hoá kinh doanh Trung Quốc và Ấn Độ. Người Malaysia chỉ kinh doanh cùng với những người mà họ biết và họ quý mến. Do vậy, việc phát triển mối quan hệ cá nhân với các đối tác Malaysia là hết sức quan trọng.

Người Malaysia chỉ chấp nhận hợp đồng bằng văn bản mà không chấp nhận hợp đồng miệng. Tuy nhiên, họ không bằng lòng với các hợp đồng có quá nhiều chi tiết vì cho rằng như thế là thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Ngược lại, các doanh nghiệp nhỏ ở Malaysia lại cần những hợp đồng chi tiết vì với năng lực yếu, họ khó có thể kiểm soát được tình hình.

Danh thiếp kinh doanh phải được in bằng tiếng Anh. Vì rất nhiều thương gia Malaysia là người Trung Quốc nên một mặt danh thiếp nên in bằng tiếng Trung Quốc và nên in bằng chữ vàng. Trên danh thiếp nên ghi rõ trình độ học vấn, trình độ chuyên môn và chức vụ.

Trước khi quyết định các bước hành động trong kinh doanh với Malaysia, nên thực hiện một số chuyến đi thực địa tới Malaysia. Khi gặp gỡ với đối tác, sau những lời giới thiệu, hãy đưa danh thiếp cho những người có mặt bằng cả hai tay (cầm trên tay phải còn tay trái đỡ tay phải). Khi nhận danh thiếp, hãy nhận bằng hai tay, xem xét một chút rồi cẩn thận đặt vào hộp danh thiếp, không đặt vào túi hậu và không viết lên danh thiếp của người khác.

Trong văn hoá kinh doanh ở Malaysia, các bên đối tác thường trao đổi với nhau bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, cần thận trọng để tránh hiểu lầm ý khi đối thoại với họ bằng ngôn ngữ này. Trong trường hợp giao tiếp với người Malaysia gốc Trung nói tiếng Anh, cần thận trọng tránh hiểu sai ý nghĩa câu nói của nhau.

Ngôn ngữ chính thức ở Malaysia là tiếng Bahasa Malaysia. Khi gặp các quan chức chính phủ buộc phải sử dụng ngôn ngữ này nên nếu cần thiết, bạn có thể đem theo phiên dịch. Những người Malaysia gốc Hoa nói tiếng Anh nên cần phải thận trọng vì có thể hiểu sai ý nghĩa câu nói của họ. Đối với những người Malaysia thiểu số, họ thường giải quyết vấn đề theo kiểu cá nhân, không tuân theo các quy chế hay luật pháp và chỉ chấp nhận những biểu hiện khác biệt nếu chúng phù hợp với đạo Hồi. Trong văn hóa kinh doanh ở Malaysia, các bên đối tác thường trao đổi với nhau bằng tiếng Anh.

Sau những lời giới thiệu, hãy đưa danh thiếp cho những người có mặt. Khi đưa danh thiếp, cần đưa bằng 2 tay (cầm trên tay phải còn tay trái đỡ tay phải). Khi nhận danh thiếp cũng nên nhận bằng 2 tay, xem xét một chút rồi cẩn thận đặt vào hộp danh thiếp, không đặt vào túi hậu và không viết lên danh thiếp của người khác.

Bạn cần thực hiện một số chuyến đi tới Malaysia trước khi quyết định các bước hành động. Thiết lập mối quan hệ bền chặt trong kinh doanh là một khía cạnh của văn hóa kinh doanh Malaysia.

Việc thương lượng ở Malaysia thường diễn ra chậm hơn nhiều so với ở Bắc Mỹ. Người Malaysia khá mê tín, họ sẽ chọn “ngày đẹp” để ký một hợp đồng. Tuy nhiên, khi hợp đồng đã ký chưa có nghĩa đó là sự đồng ý hoàn toàn. Người Malaysia có thể sẽ tiếp tục thương lượng sau khi hợp đồng đã ký.

Người Malaysia rất coi trọng thái độ giao tiếp. Thái độ lịch thiệp sẽ góp phần quan trọng trong thành công khi kinh doanh ở Malaysia. Việc mất tự chủ hay cáu giận khi giao tiếp với đối tác Malaysia sẽ gây ra những ảnh hưởng xấu trong quan hệ. Thái độ lịch thiệp sẽ góp phần quan trọng trong thành công khi kinh doanh ở Malaysia. Bên cạnh đó, nên lưu ý phải luôn tôn trọng người già và những người có vị trí xã hội, không hút thuốc hay đeo kính trong các cuộc tiếp xúc.

Người Malaysia thiểu số sẽ chỉ chấp nhận những biểu hiện khác nếu chúng phù hợp với

đạo Hồi. Người Malaysia thiếu số thường giải quyết vấn đề theo kiểu cá nhân chứ không tuân theo các quy chế hay luật pháp.

Người Malaysia dù theo đạo nào cũng đều rất coi trọng sự điềm tĩnh. Việc mất tự chủ hay cáu giận khi giao tiếp với phía đối tác Malaysia sẽ gây ra những ảnh hưởng xấu trong quan hệ.

Không giống như người phương Tây, người Malaysia thường tránh sự đối đầu. Họ sẽ không trả lời trực tiếp “không” khi có ý định từ chối và có những lúc im lặng trong khi đối thoại. Trước khi trả lời một câu hỏi, họ cũng thường im lặng trong 10-15 giây.

Trước khi thương lượng, họ thích bắt tay nhẹ và hơi gật đầu, có thể kèm theo một nụ cười. Sau đó, nếu là -người cùng giới, họ thường áp hai tay vào ngực (biểu thị lời chào xuất phát từ trái tim). Nếu ta làm cử chỉ tương tự, sẽ được đánh giá cao. Họ cũng đánh giá cao về cái cúi đầu nhẹ khi gặp phụ nữ.

Trong thương lượng, nghi lễ ký kết được coi là quan trọng và được thực hiện rất nghiêm chỉnh, sau khi họ có những quyết định phù hợp với giáo lý đạo hồi.

Nếu bạn mời người Malaysia đi ăn trưa hoặc tối, hãy chú ý đến nguồn gốc dân tộc của họ (chẳng hạn người Malaysia theo đạo Hồi không ăn thịt heo hoặc uống rượu mà chỉ dùng các loại thực phẩm được chế biến theo phương pháp Halal). Người đạo Hindu không ăn thịt bò.

Khi được mời đến nhà riêng của người Malaysia ăn tối, nên mang theo một món quà nhỏ, sôcôla hoặc hoa. Nếu chủ nhà là người Malaysia gốc Hoa thì nên mang theo rượu vang đỏ. Quà tặng thường không được mở trước mặt người tặng.

Nhiều nhà kinh doanh người Malaysia có chức danh đệm như “Tan Sri” (tương đương như hầu tước hoặc hiệp sĩ) hoặc “Dato”. Hãy gọi họ bằng chức danh đệm này, chẳng hạn “Tan Sri Lim” hoặc “Dato Lim” (trong đó Lim là tên họ). Nam giới ở Malaysia thường

được gọi là “Encik” (phát âm là “Inchik”) và nữ giới là “Cik” (phát âm là “Chik”) nếu họ chưa kết hôn và “Puan” nếu họ đã kết hôn. “Tuan” cũng có thể được sử dụng để gọi một người là nam giới nếu người này đã kết hôn nhưng từ này không thông dụng.

Người Malaysia thích gặp gỡ vào buổi chiều hoặc giữa giờ làm việc buổi sáng. Trước ngày hẹn gặp một ngày, bạn nên gọi điện để xác định lại cuộc gặp gỡ đó. Đối với đối tác Malaysia, bạn phải làm quen với việc đến muộn ít nhất là 15 phút của họ. Và với các đối tác quan trọng, khoảng thời gian chờ đợi này có thể còn lâu hơn.

Giờ hành chính ở các cơ quan, văn phòng: từ 9.00 sáng - 5.00 chiều các ngày thứ hai đến thứ sáu, và từ 9.00 sáng đến 12.30 trưa thứ bảy.

Hầu hết các cửa hàng kinh doanh mở cửa hàng ngày từ 10.00 sáng - 10.00 tối.

Các ngân hàng mở cửa từ 9.30 sáng - 4.00 chiều các ngày thứ hai đến thứ sáu, và từ 9.30 sáng - 11.30 trưa ngày thứ bảy, tuy nhiên hầu hết các ngân hàng không giao dịch vào ngày thứ bảy đầu tiên của tháng.

Malaysia là đất nước đa dạng về dân tộc và tôn giáo nên thường có một số dịp lễ hội đặc biệt trong năm bao gồm lễ hội Deepavali (đạo Hindu), Giáng sinh, Tết Âm lịch, Ngày cuối cùng của tháng Ramanda (Hari Raya Puasa) (đạo Hồi)... Các nhóm dân tộc khác nhau thường tổ chức các ngày nghỉ lễ trong những dịp này nên việc hẹn gặp với đối tác Malaysia vào thời điểm này tương đối khó. Người Malaysia thường ăn chay trong vòng 1 tháng trước Ngày kết thúc tháng lễ Ramanda (Hari Raya Puasa) nên hãy tránh sắp xếp những cuộc hẹn với người Malaysia vào các bữa trưa, bữa chiều muộn và bữa tối. Người Malaysia theo đạo Hồi mỗi ngày cúng lại 5 lần.

Chương 4: Các quy định thương mại, hải quan và tiêu chuẩn

Hàng rào thương mại

Sự thuận lợi trong thương mại qua các biên giới của Malaysia vẫn được đánh giá cao trong các so sánh quốc tế. Tuy nhiên, nó không phải là một thị trường hoàn toàn tự do và mở. Các rào cản nhập khẩu của Malaysia nhằm bảo vệ môi trường và các ngành chiến lược cũng như duy trì các tiêu chuẩn văn hoá và tôn giáo.

Các rào cản kỹ thuật như chứng nhận Halal đối với việc nhập khẩu thịt và gia cầm được quy định thông qua việc cấp phép và kiểm soát vệ sinh. Tất cả các sản phẩm từ thịt bò, thịt cừu và gia cầm nhập khẩu phải có nguồn gốc từ các cơ sở đã được các nhà chức trách Malaysia phê duyệt hoặc được chấp nhận tiêu dùng của người Hồi giáo.

Heo và các sản phẩm thịt heo có thể được nhập khẩu vào Malaysia chỉ khi Cục Thú y Malaysia (DVS) cấp giấy phép cho phép nhập khẩu. Mỗi lô hàng thịt heo và các sản phẩm thịt heo phải có giấy phép nhập khẩu hợp lệ do Cơ quan Kiểm dịch và vệ sinh thực phẩm Malaysia (MAQIS) cấp.

Các giấy phép được cấp trên cơ sở từng trường hợp và đôi khi bị từ chối mà không cần giải thích.

Năm 2011, Malaysia đã áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm MS1500: 2009 đưa ra các hướng dẫn chung về sản xuất, chuẩn bị và lưu trữ lương thực, mà nhiều nhà xuất khẩu coi là nghiêm ngặt hơn nhiều so với tiêu chuẩn Halal của Codex Alimentarius. Tiêu chuẩn mới này yêu cầu các lò giết mổ phải duy trì các cơ sở chế biến Halal chuyên dụng và đảm bảo phân phối vận chuyển các sản phẩm Halal và phi Halal. Malaysia cũng yêu cầu các cuộc kiểm toán tất cả các cơ sở tìm cách xuất khẩu thịt và sản phẩm gia cầm sang Malaysia, một vấn đề mà các nước xuất khẩu cần quan tâm.

Vào tháng 1 năm 2012, Cơ quan Tiêu chuẩn Malaysia đã áp dụng Hướng dẫn Tổng quát MS2424: về dược phẩm Halal, một hệ thống chứng nhận tự nguyện. Hướng dẫn cho phép các nhà sản xuất dược phẩm áp dụng cho chứng nhận Halal và thiết lập các yêu cầu cơ bản cho sản xuất và xử lý.

Malaysia không phải là thành viên của Thỏa thuận Đầu thầu Chính phủ của WTO, và kết quả là các công ty nước ngoài không có cơ hội giống như một số công ty trong nước để cạnh tranh cho hợp đồng và trong nhiều trường hợp cần có đối tác địa phương trước khi hồ sơ dự thầu của họ được xem xét. Trong đấu thầu trong nước, các ưu đãi được cung cấp cho các nhà cung cấp Bumiputra (Malay) thông qua các nhà cung cấp trong nước khác. Trong hầu hết các trường hợp mua sắm, các công ty nước ngoài phải có đối tác địa phương trước khi hồ sơ của họ được xem xét. Mua sắm thường là thông qua trung gian hơn là tiến hành trực tiếp bởi chính phủ. Việc mua sắm cũng có thể được đàm phán hơn là qua đấu thầu. Các hồ sơ dự thầu quốc tế thường chỉ được mời khi hàng hoá và dịch vụ trong nước không có.

Khu vực dịch vụ chiếm 51,2% nền kinh tế quốc dân và là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế và việc làm ở Malaysia trong những năm gần đây. Từ năm 2009, Malaysia đã tự do hoá 45 tiểu ngành dịch vụ, Malaysia cho phép doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia vào các dịch vụ bệnh viện tư nhân, phòng khám y tế chuyên khoa, các cửa hàng chuyên khoa, dịch vụ thiêu hủy, dịch vụ kế toán và thuế, dịch vụ chuyển phát nhanh, các trường đại học tư thục, dịch vụ nha khoa, trung tâm đào tạo kỹ năng, trường học quốc tế, trường dạy nghề có nhu cầu đặc biệt. Vào tháng 11 năm 2014, Hạ viện của Quốc hội thông qua việc sửa đổi luật về dịch vụ kiến trúc, dịch vụ khảo sát định lượng và dịch vụ kỹ thuật, giảm các hạn chế đối với người nước ngoài làm việc trong các ngành nghề này tại Malaysia. Luật sửa đổi về dịch vụ kiến trúc bắt đầu có hiệu lực từ tháng 6 năm 2015.

Malaysia có một hệ thống cấp phép xuất khẩu. Trong một số lĩnh vực, Malaysia duy trì

các chương trình thuế đường như cung cấp trợ cấp cho xuất khẩu. Trong các trường hợp khác, mục tiêu là hạn chế xuất khẩu các mặt hàng cụ thể. Đối với các sản phẩm như hàng dệt may, giấy phép xuất khẩu được sử dụng để đảm bảo tuân thủ các thoả thuận hạn chế về xuất khẩu song phương.

Đối với các sản phẩm khác, như cao su, gỗ, dầu cọ, và xuất khẩu thiếc, cần phải có giấy phép đặc biệt của các cơ quan chính phủ và thuế đánh vào hàng xuất khẩu này để khuyến khích chế biến trong nước. Malaysia là nước sản xuất và xuất khẩu dầu cọ lớn thứ hai trên thế giới. Malaysia chiếm khoảng 39% sản lượng dầu cọ thế giới và 27% thương mại thế giới về dầu thực vật. Vào tháng 3 năm 2016, Malaysia đã tăng thuế cho xuất khẩu dầu cọ thô lên 5%, chấm dứt chính sách miễn thuế kể từ tháng 5 năm 2015. Việc đưa trở lại thuế xuất khẩu nhằm mục đích ngăn cản việc xuất khẩu dầu cọ thô (CPO) và khuyến khích các nhà máy lọc dầu địa phương. Dầu cọ tinh luyện và các sản phẩm khác được làm từ dầu cọ không phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế nhập khẩu

Thuế của Malaysia thường được áp đặt trên cơ sở giá bán, với mức thuế áp dụng trung bình là 6,1% đối với hàng công nghiệp. Đối với một số hàng hoá nhất định, chẳng hạn như rượu, thịt gia cầm và thịt lợn, Malaysia tính các khoản thuế cụ thể biểu thị mức thuế suất rất cao. Mức thuế dành cho các dòng thuế nơi có sản lượng địa phương đáng kể thường cao hơn. Nhập khẩu cũng phải chịu thuế hàng hóa và dịch vụ của Malaysia (GST), được áp dụng với tỷ lệ chuẩn 6%.

Thông tin thêm về thủ tục khai báo nhập khẩu và hạn chế nhập khẩu có thể được tìm thấy tại trang web Cục Hải quan Hoàng gia Malaysia: <http://www.customs.gov.my/en>

Chứng từ và các yêu cầu cho nhập khẩu

Để xuất khẩu sản phẩm sang Malaysia, hải quan Malaysia yêu cầu các giấy tờ sau:

- Hóa đơn
- Danh sách đóng gói
- Thư gửi hàng
- Tờ rơi, catalogue hoặc các tài liệu liên quan khác
- Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu được bảo hiểm
- Vận đơn hàng không
- Thư tín dụng (nếu có)
- Giấy phép, giấy phép / giấy chứng nhận
- Bảng chứng về thanh toán
- Mẫu tờ khai (Mẫu Hải quan số 1) cho biết số, mô tả bao bì/thùng, giá trị, trọng lượng, số lượng và loại hàng hoá và nước xuất xứ.
- Các mẫu đã hoàn thành thủ tục hải quan phải được nộp cho cơ quan Hải quan tại nơi hàng hoá được xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tất cả các khoản thuế/thuế hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu sẽ phải được thanh toán trước để hàng có thể được giải phóng. Thuế phải nộp bao gồm thuế nhập khẩu và thuế bán hàng.

Yêu cầu ghi nhãn/nhãn hiệu

SIRIM Berhad, trước đây là Viện Tiêu chuẩn và Nghiên cứu Công nghiệp Malaysia (SIRIM), là tổ chức thuộc Chính phủ Malaysia, dưới quản lý của MOF (Inc.) Malaysia về tiêu chuẩn và chất lượng, hỗ trợ cho tiến bộ công nghệ trong ngành công nghiệp Malaysia. Trụ sở chính đặt tại Shah Alam, Selangor.

SIRIM QAS (<http://www.sirim-qas.com.my/>), một công ty con của SIRIM Bhd, là cơ quan thử nghiệm, giám định và cấp chứng nhận hàng đầu của Malaysia, và quy định dán tem cho một loạt các chứng nhận. Danh sách đầy đủ có tại trang web: <http://www.sirim-qas.com.my/certlist2.asp>. Việc cho phép sử dụng tem chất lượng của SIRIM lên sản phẩm hay dịch vụ được trao cho các nhà sản xuất và các công ty có sản phẩm và dịch vụ phù hợp với các hướng dẫn có liên quan của MS (Tiêu chuẩn quốc gia của Malaysia (ký hiệu MS) là tự nguyện, trừ khi được đề cập trong văn bản pháp luật, bao gồm cả các quy chuẩn kỹ thuật cụ thể.). Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu tem nhãn, SIRIM định kỳ kiểm tra các sản phẩm, và không báo trước cho các nhà sản xuất, và thường xuyên kiểm tra việc quản lý chất lượng và thủ tục của họ.

Yêu cầu chứng nhận sản phẩm

Các quy định về việc sử dụng Nhãn hiệu quốc tế của SIRIM QAS

Để xác minh nhãn SIRIM, vui lòng liên hệ với:

Điện thoại: (+60) 3 5544 6805/6840

Fax: (+60) 3 5544 5655

Email: fauziaha@sirim.my; sroslina@sirim.my

Hàng nhập khẩu bị cấm và hạn chế

Các hạn chế nhập khẩu về định lượng (số lượng) ít khi được áp đặt, ngoại trừ một số sản phẩm hạn chế để bảo vệ các ngành công nghiệp địa phương hoặc vì lý do an ninh. 17% dòng thuế của Malaysia (chủ yếu là trong lĩnh vực thiết bị xây dựng, nông nghiệp, khoáng sản và xe cơ giới) cũng phải được cấp giấy phép nhập khẩu không tự động được thiết kế để bảo vệ các ngành công nghiệp nhạy cảm nhập khẩu hoặc chiến lược.

Bất kỳ một loại biểu tượng nào hoặc là hiện vật có thể gây nên những hiểu lầm hoặc

những biểu tượng, hiện vật đó có chủ định hoặc sẽ được sử dụng làm ảnh hưởng tới lợi ích Liên bang hoặc để khuyếch trương, quảng cáo cho mục đích làm tổn hại đến hòa bình, thịnh vượng hoặc trật tự xã hội của Liên bang...

Những ấn phẩm, tranh, ảnh, sách vở, bưu thiếp, hình vẽ, hình chạm khắc, phim, băng hình, đĩa la-ze, đĩa mềm vi tính hoặc những ấn phẩm tuyên truyền (bao gồm cả phim chưa in tráng) hoặc những vật được in, vẽ khác; các loại quần áo có mang hình in, hoặc phiên bản của bất kỳ những dòng chữ kinh Coran; các loại dao, dao bấm; các thiết bị thu Radio có khả năng thu sóng Radio tần số 68-87 Mhz và 108-174

Mhz trừ những thứ được thiết kế để thu sóng Radio khí tượng tại chỗ và những thứ được sử dụng cho các Cơ quan quản lý thông tin; các loại rượu chứa chì hoặc thành phần của chì nhiều hơn 3,46 miligames/lít; chất thạch tín; các hóa chất độc hại.

Để có danh sách các mặt hàng bị cấm và hạn chế, vui lòng vào trang web của Cục Hải quan Hoàng gia Malaysia.

Tạm nhập

Malaysia tham gia Công ước về nhập cảnh tạm thời hàng hoá (Công ước ATA) vào năm 1988, và thông tin về tạm nhập theo ATA được nêu chi tiết trong Chương 8. Nguyên liệu thô được sử dụng trực tiếp cho sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu nếu nguyên liệu đó không được sản xuất trong nước hoặc nếu nguyên liệu địa phương có chất lượng và giá cả không thể chấp nhận được. Quy định này, ví dụ, áp dụng đối với hàng nhập khẩu linh kiện bán dẫn Malaysia sử dụng trong việc chế tạo chất bán dẫn cho xuất khẩu. Việc miễn giảm thuế cũng áp dụng cho máy móc thiết bị sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất hoặc không có sẵn tại địa phương.

Quy định Hải quan

Malaysia áp dụng Hệ thống Thuế quan Hải hoà (HTS) để phân loại hàng hoá. Tất cả hàng

hoá xuất khẩu, nhập khẩu vào nước phải được phân loại theo số thuế quan của Malaysia. Bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu phải được chuyển đến các trạm hải quan cụ thể mà hàng hóa đó phải nhập khẩu. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng xem trang web Hải quan Malaysia Hoàng gia Malaysia: http://www.customs.gov.my/en/cu/pages/cu_ccc.aspx

Các tiêu chuẩn thương mại

Tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực của xã hội Malaysia, và hệ thống tiêu chuẩn quốc gia sử dụng một quy trình đồng thuận để phát triển các tiêu chuẩn mới, cho phép các nhà sản xuất, thương nhân, người tiêu dùng, chính phủ và những người khác cung cấp đầu vào và xem xét đưa vào quá trình phát triển. Malaysia tuân thủ “Mã Tiêu chuẩn” của WTO về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại. SIRIM Berhad, trước đây gọi là Viện Nghiên cứu Công nghiệp và Tiêu chuẩn của Malaysia, là công ty của chính phủ cung cấp cơ sở hạ tầng thể chế và kỹ thuật cho Chính phủ.

Có một vài tổ chức thử nghiệm quốc gia quan trọng hoạt động theo SIRIM và xác định cấu trúc và mục tiêu của tiêu chuẩn quốc gia cũng như đảm bảo chức năng và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Để có danh sách các tổ chức đánh giá sự phù hợp, hãy truy cập trang web của Phòng Tiêu chuẩn Malaysia và nhấp chuột vào “Công nhận”, sau đó vào “Danh bạ các CB được công nhận” cũng như “Thư mục các Phòng thí nghiệm được công nhận”.

Chứng nhận sản phẩm

Malaysia là một bên của Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) thuộc Khu vực Hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC). Đây là một thỏa thuận đa phương giữa Hoa Kỳ và nền kinh tế của hai mươi quốc gia, phần lớn nằm ở Đông Nam Á. Mục đích của MRA trong APEC là tạo thuận lợi cho thương mại, thúc đẩy việc tiếp cận thị trường, giảm thiểu hoặc giảm thiểu các rào cản thương mại phi thuế quan, và đạt được một thỏa thuận công nhận lẫn nhau về Quy trình đánh giá đồng nhất. Tất cả các nền kinh tế trong

Thoả thuận APEC, bao gồm cả Malaysia, đều đã ở giai đoạn đầu (Phần I), bao gồm việc công nhận lẫn nhau các báo cáo thử nghiệm. Nhiều nền kinh tế, bao gồm cả Malaysia, đã sẵn sàng cho giai đoạn thứ hai (Phần II), là sự chấp nhận các báo cáo thử nghiệm sản phẩm / thử nghiệm từ người khác. Chỉ có bốn nền kinh tế APEC đã sẵn sàng cho Phần III, việc chấp nhận chứng nhận lẫn nhau và Malaysia không phải là một trong những nền kinh tế này.

Để có thể lưu hành trên thị trường, một số loại sản phẩm cuối cùng (end products) bắt buộc phải có các loại giấy chứng nhận sau đây do Bộ Y tế Malaysia cấp:

- Giấy chứng nhận Y tế (Health Certificate);
- Giấy chứng nhận Kinh doanh Tự do (Free Sale Certificate - FSC);
- Giấy chứng nhận áp dụng Tiêu chuẩn HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point - Certificate);
- - Giấy chứng nhận áp dụng Phương pháp Sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice (GMP) Certificate);
- Giấy chứng nhận áp dụng Biện pháp Vệ sinh Dịch tễ tốt (Good Hygiene Practice (GHP) Certificate).

Công nhận

Phòng Tiêu chuẩn Malaysia (DSM) được thành lập sau khi thành lập SIRIM để đảm nhận các vai trò theo luật định trong tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện trước đây bởi Viện Tiêu chuẩn. Nó hoạt động như cơ quan kiểm định quốc gia duy nhất trong nước. DSM cung cấp các dịch vụ kiểm định cho các tổ chức chứng nhận, các cơ quan kiểm tra và các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn. DSM chịu trách nhiệm xử lý các đơn đăng ký công nhận và trình lên Tổng giám đốc, trong trường hợp thành công, cấp giấy chứng nhận

kiểm định. Cơ cấu phí DSM cho việc công nhận là: (a) lệ phí đăng ký 5.000 RM; (b) phí hàng năm 5.000 RM; (c) Phí thẩm định 1.000 RM cho mỗi ngày công. Chứng chỉ công nhận có giá trị trong ba năm.

Công bố Quy chuẩn Kỹ thuật

Malaysia là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Theo Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại của WTO (Hiệp định TBT), các thành viên phải báo cáo tất cả các quy định kỹ thuật đề xuất có thể ảnh hưởng đến thương mại với các nước thành viên WTO.

Ngoài ra, cơ quan lập pháp của Malaysia đưa ra một công báo chính thức (hoặc công bố các thông báo) có tiêu đề Công báo của Chính phủ. Các quy định kỹ thuật được đề xuất và quy định cuối cùng được xuất bản, nhưng việc truy cập thông tin của chính phủ qua Internet đòi hỏi phải đăng ký. Các công ty có thể xem xét và bình luận về các tiêu chuẩn đề xuất và các quy định kỹ thuật thông qua SIRIM Berhad, bằng cách nhấp vào “Quảng cáo Doanh nghiệp” và sau đó là “Nhận xét Công khai”. Một danh sách các tiêu chuẩn hiện có có thể được tìm thấy trên cùng một trang web, và sau đó “MS Catalog Online”. Thông tin liên lạc:

➤ Cục Tiêu chuẩn Malaysia

Century Square, Level 1 & 2,

Block 2300, Jalan Usahawan, 63000 Cyberjaya,

Selangor Darul Ehsan, Malaysia

Tel: +60 (3) 8318 0002

Fax: +60 (3) 8319 3131

Email: central@jsm.gov.my

Website: <http://www.jsm.gov.my/>

➤ **SIRIM Berhad1**

Persiaran Dato' Menteri, P.O. Box 7035,

Section 2, 40700 Shah Alam, Selangor, Malaysia

Tel: +60 (3) 5544 6000

Fax: +60 (3) 5544 6694

Email: web@sirim.my

Website: <http://www.sirim.my/>

➤ **SIRIM QAS**

International Bhd Building 8, SIRIM Complex

No. 1 Persiaran Dato' Menteri, Section 2, P.O. Box 7035

40700 Shah Alam, Selangor, Malaysia

Tel: +60 (3) 5544 6400

Fax: +60 (3) 5544 6810

Email: gas_marketing@sirim.my

Website: <http://www.sirim-qas.com.my/>

Các yêu cầu về giấy phép đối với dịch vụ chuyên nghiệp

Ngành dịch vụ đã là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và việc làm của Malaysia trong những năm gần đây. Kể từ năm 2009, Malaysia đã tự do hóa 45 tiêu ngành dịch vụ. Malaysia cho phép doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia vào các dịch vụ bệnh viện tư nhân, các phòng khám chuyên khoa y tế, các cửa hàng chuyên khoa và dịch vụ, các dịch vụ hỏa táng, dịch vụ kế toán và thuế, dịch vụ chuyển phát nhanh, các trường đại học tư nhân, các trường dạy nghề, dịch vụ nha khoa, trường dạy nghề có nhu cầu đặc biệt và dịch vụ khảo sát số lượng.

Dịch vụ Kiến trúc và Kỹ thuật

Vào tháng 11 năm 2014, Hạ viện Quốc hội thông qua việc sửa đổi luật về dịch vụ kiến trúc, dịch vụ khảo sát số lượng và dịch vụ kỹ thuật, giảm các hạn chế đối với người nước ngoài làm việc trong các ngành nghề này tại Malaysia. Luật sửa đổi về dịch vụ kiến trúc bắt đầu có hiệu lực vào tháng 6 năm 2015. Theo hệ thống đăng ký của kiến trúc sư và kỹ sư Malaysia, các kiến trúc sư và kỹ sư nước ngoài chỉ có thể đăng ký tạm thời. Các công ty kiến trúc nước ngoài chỉ được hưởng các dự án đặc biệt theo thỏa thuận giữa Malaysia và chính phủ nước ngoài đã quan tâm. Không giống như các kỹ sư, các công ty kiến trúc Malaysia không thể có các công ty kiến trúc nước ngoài làm đối tác đăng ký. Các công ty kiến trúc nước ngoài chỉ có thể hoạt động với tư cách là công ty con của các công ty Malaysia. Các công ty kỹ thuật nước ngoài phải thiết lập các liên doanh với các công ty Malaysia và nhận được “giấy phép tạm thời” chỉ được cấp trên cơ sở từng dự án và phải được kiểm tra nhu cầu kinh tế và các tiêu chuẩn khác do ban cấp phép áp đặt.

Dịch vụ pháp lý

Các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp nước ngoài nói chung không được phép thực hành ở Malaysia. Các công ty luật nước ngoài không được hoạt động tại Malaysia ngoại trừ là đối tác thiểu số của các công ty luật địa phương, và cổ phần của họ trong bất kỳ công ty hợp danh nào được giới hạn ở mức 30%. Luật sư nước ngoài không được thực

hành luật pháp Malaysia hoặc hoạt động như tư vấn pháp luật nước ngoài. Họ không thể liên kết với các công ty địa phương hoặc sử dụng tên công ty quốc tế của họ.

Dịch vụ kế toán

Các công ty kế toán nước ngoài chỉ có thể cung cấp dịch vụ kế toán hoặc thuế ở Malaysia thông qua quan hệ đối tác đăng ký tại địa phương với kế toán viên hoặc công ty Malaysia, và tổng số lợi nhuận nước ngoài không vượt quá 30%. Các dịch vụ kiểm toán và thuế phải được chứng nhận bởi một kiểm toán viên có giấy phép ở Malaysia. Cần phải cư trú để đăng ký.

Bảo hiểm

BNM quy định các đơn vị kinh doanh bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, điều chỉnh và tư vấn tài chính. Các công ty bảo hiểm được cấp phép bởi Bộ Tài chính và phải được phê duyệt và đăng ký với BNM.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài hạn chế 70% về sở hữu vốn nước ngoài.

Chứng khoán

Giới hạn cổ phần của người nước ngoài trong các công ty chứng khoán hiện tại là 70%. Các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài được phép cho các công ty quản lý quỹ hàng đầu đủ điều kiện trong phân khúc quản lý quỹ đầu tư. Trong quản lý quỹ bán lẻ, giới hạn tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài là 70%.

Các công ty Malaysia đang tìm kiếm việc niêm yết tại Bursa Malaysia được yêu cầu phải có ít nhất 30% cổ phần của công ty bumiputra. Hướng dẫn này không áp dụng cho các công ty nước ngoài muốn xin niêm yết tại Bursa Malaysia.

Quảng cáo

Quy tắc nội dung địa phương áp dụng cho tất cả các kênh quảng cáo phát sóng: có thể là truyền hình miễn phí, truyền hình thuê bao, đài phát thanh và vệ tinh. Điều này không áp dụng cho các nhà cung cấp nội dung ấn phẩm, các nhà cung cấp nội dung trực tuyến và điện thoại di động. Đoạn phim nước ngoài được giới hạn ở mức 20% cho mỗi quảng cáo, và chỉ có các diễn viên Malaysia có thể được sử dụng.

Nói chung, quảng cáo truyền thanh không nên gây ra sự vi phạm nghiêm trọng hoặc lan rộng, đặc biệt là liên quan đến chủng tộc, tôn giáo, giới tính, khuynh hướng tình dục, khuyết tật thể chất hoặc tinh thần. Không khuyến khích thực tiễn không an toàn chấp nhận và kích động bạo lực hoặc hành vi chống lại xã hội. Quảng cáo không được miêu tả và / hoặc đề cập đến bất kỳ người đang sống trong nước hoặc nước ngoài trừ khi có sự cho phép trước.

Những điều sau đây được coi là không chấp nhận được theo Quy tắc Thực hành Quảng cáo Malaysia và Bộ luật Truyền thông và Mã Đa phương Malaysia:

- Xi gà, thuốc lá và phụ kiện
- Không được phép quảng cáo đồ uống có cồn. Nhà tài trợ tài trợ rượu cho các sự kiện thể thao quốc tế được tổ chức tại Malaysia chỉ có thể quảng cáo và sử dụng logo của sự kiện nói trên chứ không phải của nhà tài trợ.
- Huyền bí, bói toán
- Các đại lý môi giới kết hôn và câu lạc bộ bạn hữu
- Cơ quan tuyên dụng không có giấy phép
- Cờ bạc, cá cược
- Quần áo có thông điệp không phù hợp

- Cảnh khiêu dâm bao gồm hôn giữa người lớn, nội dung khiêu dâm
- Heo, sản phẩm thịt lợn và các dẫn xuất của nó
- Các Crackers
- Bất kỳ hình thức đầu cơ tài chính nhằm thúc đẩy hoặc thu hút sự quan tâm của bất kỳ cổ phiếu và cổ phần
- Thông báo tử vong, thông báo tang lễ, tang lễ, di tích tang lễ
- Cảnh câu lạc bộ đêm
- Sản phẩm giảm béo
- Các sản phẩm bảo vệ vệ sinh và miếng đệm (không kiểm soát được) cho người lớn phải được hạn chế.

Tất cả các quảng cáo cho các sản phẩm thực phẩm và đồ uống (F & B) phải tuân thủ Đạo luật Thực phẩm năm 1983 và Quy định về Thực phẩm 1985. Tất cả các sản phẩm của F & B đòi hỏi chất lượng điều trị hoặc phòng ngừa phải được sàng lọc trước. Các sản phẩm của F & B cải thiện, phục hồi và duy trì sức khỏe thể chất và người tiêu dùng không bị kiểm tra. Quảng cáo thức ăn nhanh và ăn nhẹ trong chương trình dành cho trẻ em là không được phép.

Quảng cáo cho các loại thuốc, dược phẩm, dụng cụ, kỹ năng và dịch vụ liên quan đến chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị bệnh tật hoặc điều kiện thuộc thẩm quyền của Ban quảng cáo thuốc, Bộ Y tế Malaysia. Ban quảng cáo Thuốc trừ sâu, Bộ Nông nghiệp giám sát quảng cáo thuốc trừ sâu.

Phát thanh và truyền hình

Chính phủ Malaixia duy trì ngưỡng nội dung tối thiểu cho các chương trình phát thanh và

truyền hình. Các đài truyền hình địa phương bắt buộc phải có 80% nội dung bumiputra địa phương. Ngưỡng nội dung của chương trình phát thanh địa phương là 60%.

Các rào cản khác

Nhiều công ty đã được chỉ thị rằng họ sẽ được hoan nghênh cải thiện tính minh bạch trong việc ra quyết định của Chính phủ Malaysia và các thủ tục, và các giới hạn về các biện pháp chống cạnh tranh. Một tỷ lệ đáng kể các dự án của chính phủ và mua sắm được trao không có đấu thầu minh bạch, cạnh tranh. Chính phủ Malaysia tuyên bố cam kết chống tham nhũng và duy trì Cơ quan chống tham nhũng, một phần của Văn phòng Thủ tướng, để thúc đẩy mục tiêu đó. Cơ quan có quyền độc lập để tiến hành điều tra và có thể truy tố các vụ án với sự chấp thuận của Tổng chưởng lý.

Một số trang website tham khảo:

- www.cia.gov
- www.export.gov
- www.trademap.org
- www.vietrade.gov.vn
- www.vcci.com.vn
- www.vietnamexport.com
- www.gso.gov.vn
- www.fia.mpi.gov.vn
- www.moit.gov.vn